|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **LIÊN MINH CHÂU ÂU**  | **BỘ TƯ PHÁP****MINISTRY OF JUSTICE** | **CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN** **LIÊN HỢP QUỐC - UNDP** |

**TÀI LIỆU**

HƯỚNG DẪN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CÁC VỤ VIỆC

HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

(Tài liệu dành cho người thực hiện trợ giúp pháp lý)





Tài liệu hướng dẫn này là một trong các hoạt động thuộc Chương trình “Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” (EU JULE), do Liên minh Châu Âu tài trợ; UNDP và UNICEF đóng góp tài chính và phối hợp với Bộ Tư pháp Việt Nam thực hiện.  Mục đích xây dựng tài liệu là nhằm bổ sung kiến thức cũng như kỹ năng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý trong trợ giúp pháp lý các vụ việc hôn nhân và gia đình.

**NHÓM NGHIÊN CỨU**

1. Tạ Thị Minh Lý, Tiến sỹ Luật học, Trưởng nhóm nghiên cứu (Chủ tịch Hội Bảo trợ Tư pháp cho người nghèo Việt Nam, nguyên Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp);

2. Ngô Thị Hường, Phó giáo sư - Tiến sỹ luật học, thành viên nhóm nghiên cứu (Giảng viên cao cấp Trường đại học Luật Hà Nội);

3. Patrick Burgess, Chủ tịch Tổ chức về Công lý và Quyền Châu Á, thành viên nhóm nghiên cứu, chuyên gia của UNDP.

|  |
| --- |
| Quan điểm trong tài liệu hướng dẫn là của nhóm nghiên cứu và không đại diện cho Bộ Tư pháp cũng như bất kỳ cơ quan nào thuộc Chính phủ Việt Nam, Liên minh Châu Âu và Chương trình phát triển Liên hợp quốc.  |

**LỜI CẢM ƠN**

Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn Chương trình phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) và Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam đã tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật đối với nghiên cứu này trong khuôn khổ Chương trình Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam (EU JULE). Trân trọng cảm ơn Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp Việt Nam và đại diện các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đã hỗ trợ, phối hợp trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

MỤC LỤC

[Danh mục từ viết tắt 6](#_Toc75810431)

[I. PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 7](#_Toc75810432)

[1. Hiến pháp 2013 và Luật hôn nhân và gia đình 7](#_Toc75810433)

[2. Quan hệ hôn nhân gia đình theo pháp luật Việt Nam 7](#_Toc75810434)

[a. Quan hệ giữa các thành viên gia đình được pháp luật xác định: 7](#_Toc75810435)

[b. Vợ, chồng có quyền yêu cầu ly hôn 8](#_Toc75810436)

[c. Về tài sản 9](#_Toc75810437)

[d. Nuôi con nuôi 10](#_Toc75810438)

[đ. Giám hộ 12](#_Toc75810439)

[e. Bạo lực gia đình 13](#_Toc75810440)

 ***f. Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài………………………..14***

[II. TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 17](#_Toc75810441)

[1. Các nguyên tắc trong pháp luật về hôn nhân và gia đình 17](#_Toc75810442)

[2. Đặc thù của các vụ việc trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình 18](#_Toc75810443)

[3. Đặc thù về đại diện khởi kiện các vụ việc hôn nhân và gia đình 19](#_Toc75810444)

[4. Nguyên tắc tôn trọng sự thật khách quan và công bằng 20](#_Toc75810445)

[5. Tôn trọng tính tự nguyện, tự giải quyết 21](#_Toc75810446)

[6. Hòa giải và các biện pháp thay thế 21](#_Toc75810447)

[7. Quyền và lợi ích của trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ 22](#_Toc75810448)

[8. Kỹ năng trợ giúp pháp lý các vụ việc về hôn nhân và gia đình 22](#_Toc75810449)

[(1) Kỹ năng tiếp xúc đối tượng 22](#_Toc75810450)

[(2) Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, nhận diện vụ việc về hôn nhân và gia đình 24](#_Toc75810451)

[(3) Kỹ năng thu thập tài liệu, chứng cứ và đánh giá chứng cứ trong vụ việc về hôn nhân và gia đình 25](#_Toc75810452)

[(4) Kỹ năng hòa giải và áp dụng biện pháp thay thế về hôn nhân và gia đình 26](#_Toc75810453)

[(5) Kỹ năng tư vấn pháp luật trong các vụ hôn nhân và gia đình 27](#_Toc75810454)

[(6) Kỹ năng hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình 28](#_Toc75810455)

[(7) Kỹ năng trợ giúp pháp lý các vụ việc về hôn nhân gia đình cho trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số và phụ nữ 29](#_Toc75810456)

[(8) Kỹ năng trợ giúp pháp lý về ly hôn 30](#_Toc75810457)

[(9) Kỹ năng trợ giúp pháp lý tại phiên tòa các vụ án về hôn nhân và gia đình 32](#_Toc75810458)

[(10) Kỹ năng trợ giúp pháp lý về nuôi con nuôi 33](#_Toc75810459)

[(11) Yêu cầu về hồ sơ vụ việc 35](#_Toc75810460)

[PHỤ LỤC 35](#_Toc75810461)

[I. VỤ VIỆC ĐIỂN HÌNH 35](#_Toc75810462)

[a) Vụ thứ nhất 35](#_Toc75810463)

[b) Vụ thứ hai 37](#_Toc75810464)

[II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC VỀ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH 39](#_Toc75810465)

[1. Các nguyên tắc quan trọng khi thực hiện trợ giúp pháp lý về hôn nhân gia đình 39](#_Toc75810466)

[a. Về cẩm nang hướng dẫn hành nghề 39](#_Toc75810467)

[b. Nguyên tắc thực hiện công việc của người thực hiện trợ giúp pháp lý 39](#_Toc75810468)

[c. Quy tắc ứng xử của người thực hiện trợ giúp pháp lý 40](#_Toc75810469)

[d. Giải quyết bằng các biện pháp thay thế (Alternative Dispute Resolution-ADR) 42](#_Toc75810470)

[a. Phỏng vấn ban đầu 44](#_Toc75810471)

[b. Can thiệp sớm 46](#_Toc75810472)

[c. Giải quyết tranh chấp thay thế (ADR) chẳng hạn như hòa giải 47](#_Toc75810473)

[d. Tận dụng mọi nguồn lực 49](#_Toc75810474)

[đ. Việc xem xét hoàn cảnh của người phụ nữ 50](#_Toc75810475)

[e. Trợ giúp pháp lý các vụ việc liên quan đến trẻ em 51](#_Toc75810476)

[g. Đối với trợ giúp pháp lý cho phụ nữ 52](#_Toc75810477)

[3. Các công ước quốc tế về phụ nữ, trẻ em và hôn nhân gia đình 56](#_Toc75810478)

# Danh mục từ viết tắt

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ viết tắt** | **Ý nghĩa** |
| BLDS | Bộ Luật dân sự |
| BLHS | Bộ Luật hình sự |

|  |  |
| --- | --- |
| BLGĐ | Bạo lực gia đình |
| GH | Giám hộ |
| HN&GĐ | Hôn nhân và gia đình |
| LHQ | Liên Hợp quốc |
| TAND | Tòa án nhân dân |
| TGPL | Trợ giúp pháp lý |
| TVPL | Tư vấn pháp luật |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| VBPL | Văn bản pháp luật |
| VPPL | Vi phạm pháp luật |
| XHCN | Xã hội chủ nghĩa |

# I. PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

## 1. Hiến pháp 2013 và Luật hôn nhân và gia đình

  + Hôn nhân và gia đình là chế định quan trọng nên một số nguyên tắc được khẳng định trong Hiến pháp các thời kỳ và cụ thể hóa trong Luật HN&GĐ.

*Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới[[1]](#footnote-1). Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình[[2]](#footnote-2). Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Nhà nước bảo hộ HNGĐ, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn[[3]](#footnote-3). Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em[[4]](#footnote-4).*

+ Chế độ HN&GĐ Việt Nam đã được kế thừa, bổ sung, thay đổi, phát triển theo nhiều đạo Luật HN&GĐ, bao gồm đạo Luật HN&GĐ các năm 1959, 1986, 2000, 2014. Thực tiễn áp dụng Luật HN&GĐ năm 1959, năm 1986, năm 2000 hay năm 2014 ảnh hưởng rất nhiều đến việc xét xử, nhất là liên quan đến vấn đề tài sản chung, tài sản riêng của vợ, chồng, thời kỳ hôn nhân, xác định cha, mẹ, con[[5]](#footnote-5).

## 2. Quan hệ hôn nhân gia đình theo pháp luật Việt Nam

### *a. Quan hệ giữa các thành viên gia đình được pháp luật xác định:*

*“Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn.*

*Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định.”[[6]](#footnote-6)*

+ Quan hệ HN&GĐ là quan hệ của những người có sinh hoạt chung, có tài sản chung, các mối quan tâm chung nên thường có nhiều mâu thuẫn và tranh chấp. Tuy nhiên, hiện nay, các đối tượng TGPL thường có nhiều tranh chấp trong các vụ việc về HN&GĐ như ly hôn, BLGĐ, nuôi con nuôi và giám hộ.

+ Thời kỳ hôn nhân được xác định rõ trong Luật:

*Thời kỳ hôn nhân, theo Luật HN&GĐ năm 2014 là khoảng thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng, được tính từ ngày đăng ký kết hôn đến ngày chấm dứt hôn nhân[[7]](#footnote-7).*

### *b. Vợ, chồng có quyền yêu cầu ly hôn*

+ Khi mâu thuẫn kéo dài,mục đích hôn nhân không đạt được, hoặc có các nguyên nhân khác khiến không thể cùng chung sống thì vợ chồng có thể lựa chọn các hình thức chia tay, về pháp lý thì ly hôn là hình thức được pháp luật công khai công nhận. Việc ly hôn được thực hiện khi vợ chồng thuận tình ly hôn; ly hôn theo yêu cầu của một bên vợ hoặc chồng: (i) Vợ, chồng có hành vi BLGĐ hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. (ii) Vợ hoặc chồng bị Tòa án tuyên bố mất tích. (iii) Ly hôn theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của BLGĐ do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ.

+ Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật[[8]](#footnote-8); hoặc kể từ thời điểm vợ hoặc chồng chết; trong trường hợp Tòa án tuyên bố vợ hoặc chồng là đã chết thì thời điểm hôn nhân chấm dứt được xác định theo ngày chết được ghi trong bản án, quyết định của Tòa án[[9]](#footnote-9).

 + Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân. Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng[[10]](#footnote-10).

### *c. Về tài sản[[11]](#footnote-11)*

+ Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung, trừ trường hợp quy định tại Điều 42[[12]](#footnote-12); nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Thời điểm có hiệu lực của việc chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân[[13]](#footnote-13): Thời điểm có hiệu lực của việc chia tài sản chung của vợ chồng là thời điểm do vợ chồng thỏa thuận và được ghi trong văn bản; nếu trong văn bản không xác định thời điểm có hiệu lực thì thời điểm có hiệu lực được tính từ ngày lập văn bản. Trong trường hợp pháp luật quy định giao dịch liên quan đến tài sản được chia phải tuân theo hình thức nhất định thì việc chia tài sản chung đó của vợ chồng có hiệu lực từ thời điểm việc thỏa thuận tuân thủ hình thức mà pháp luật thời điểm đó quy định. Việc chia tài sản chung có hiệu lực kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Quyền, nghĩa vụ về tài sản giữa vợ, chồng với người thứ ba phát sinh trước thời điểm chia tài sản chung có hiệu lực vẫn có giá trị pháp lý, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

*Việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bị vô hiệu khi có một trong các tình huống sau:*

*1. Ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của gia đình; quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình;*

*2. Nhằm trốn tránh thực hiện các nghĩa vụ sau đây: a) Nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng; b) Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại; c) Nghĩa vụ thanh toán khi bị Tòa án tuyên bố phá sản; d) Nghĩa vụ trả nợ cho cá nhân, tổ chức; đ) Nghĩa vụ nộp thuế hoặc nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước; e) Nghĩa vụ khác về tài sản theo quy định của Luật này, BLDS và quy định khác của pháp luật có liên quan (Điều 42 Luật HN&GĐ năm 2014).*

+ Khi ly hôn, trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định thì việc giải quyết tài sản do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc của hai vợ chồng, Tòa án giải quyết theo quy định[[14]](#footnote-14).

Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận thì việc giải quyết tài sản khi ly hôn được áp dụng theo thỏa thuận đó; nếu thỏa thuận không đầy đủ, rõ ràng thì áp dụng quy định[[15]](#footnote-15) để giải quyết.

 *1. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: a) Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng; b) Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập; c) Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập; d) Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng;*

*2. Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch.*

*3. Tài sản riêng của vợ, chồng thuộc quyền sở hữu của người đó, trừ trường hợp tài sản riêng đã nhập vào tài sản chung theo quy định của Luật HNGĐ.*

*Trong trường hợp có sự sáp nhập, trộn lẫn giữa tài sản riêng với tài sản chung mà vợ, chồng có yêu cầu về chia tài sản thì được thanh toán phần giá trị tài sản của mình đóng góp vào khối tài sản đó, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác.*

*4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.[[16]](#footnote-16)*

### *d. Nuôi con nuôi*

+ Nuôi con nuôi là việc một người độc thân hoặc hai người là vợ chồng nhận nuôi dưỡng một trẻ em hoặc một người chưa thành niên để xác lập quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận con nuôi với người được nhận làm con nuôi. Người được nhận làm con nuôi phải là người dưới 16 tuổi. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi cũng được nhận làm con nuôi nếu làm con nuôi của cha dượng, mẹ kế hoặc cô, dì, chú, bác, cậu ruột. Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng[[17]](#footnote-17). Người nhận con nuôi phải có các điều kiện: có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi từ hai mươi tuổi trở lên; có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi; có tư cách đạo đức tốt[[18]](#footnote-18).

+ Những người không được nhận con nuôi khi: đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh; đang chấp hành hình phạt tù; chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên VPPL; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em[[19]](#footnote-19).

+ Việc nuôi con nuôi phải có sự đồng ý của cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ (GH) của người được nhận làm con nuôi. Việc nhận con nuôi là trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên phải có sự đồng ý của trẻ em đó[[20]](#footnote-20). Việc nuôi con nuôi phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thầm quyền. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi phát sinh các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con theo Luật HN&GĐ. Cha mẹ nuôi có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi họ, tên của con nuôi; họ của con nuôi là họ của cha, mẹ nuôi; việc thay đổi họ, tên của con nuôi từ đủ 09 tuổi trở lên phải được sự đồng ý của con nuôi.

+ Ngoài quy định các điều kiện, nhằm ngăn ngừa các hành vi lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động của trẻ em, mua bán trẻ em, VPPL về dân số, VPPL về người có công với đất nước…, Luật quy định các hành vi bị cấm:

*Luật quy định 7 hành vi bị cấm: (i) Lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục; bắt cóc, mua bán trẻ em; (ii) Giả mạo giấy tờ để giải quyết việc nuôi con nuôi; (iii) Phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi; (iv) Lợi dụng việc cho con nuôi để VPPL về dân số; (v) Lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước; (vi) Ông, bà nhận cháu làm con nuôi hoặc anh, chị, em nhận nhau làm con nuôi; (vii) Lợi dụng việc nuôi con nuôi để VPPL, phong tục tập quán, đạo đức, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc[[21]](#footnote-21).*

+ Việc nuôi con nuôi có thể được chấm dứt khi: con nuôi đã thành niên và cha mẹ nuôi tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi; con nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của cha, mẹ nuôi; ngược đãi, hành hạ cha, mẹ nuôi hoặc có hành vi phá tán tài sản của cha, mẹ nuôi; cha, mẹ nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con nuôi; ngược đãi, hành hạ con nuôi; việc nuôi con nuôi vi phạm các hành vi bị cấm[[22]](#footnote-22).

*Hệ quả của việc chấm dứt nuôi con nuôi: (1) Quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật. (2) Trường hợp con nuôi là người chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động thì Tòa án quyết định giao cho cha mẹ đẻ hoặc tổ chức, cá nhân khác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì lợi ích tốt nhất của người đó. (3) Trường hợp con nuôi được giao cho cha mẹ đẻ thì các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đẻ đã chấm dứt theo quy định tại khoản 4 Điều 24 của Luật này được khôi phục. (4) Trường hợp con nuôi có tài sản riêng thì được nhận lại tài sản đó[[23]](#footnote-23); nếu con nuôi có công lao đóng góp vào khối tài sản chung của cha mẹ nuôi thì được hưởng phần tài sản tương xứng với công lao đóng góp theo thỏa thuận với cha mẹ nuôi; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. (5) Con nuôi có quyền lấy lại họ, tên của mình như trước khi được cho làm con nuôi[[24]](#footnote-24).*

### *đ. Giám hộ*

+ Giám hộ giữa các thành viên gia đình là GH đương nhiên. Người GH đương nhiên của người chưa thành niên là anh ruột là anh cả hoặc chị ruột là chị cả; nếu anh cả hoặc chị cả không có đủ điều kiện làm người GH thì anh ruột hoặc chị ruột tiếp theo là người GH, trừ trường hợp có thỏa thuận anh ruột hoặc chị ruột khác làm người GH; trong trường hợp không có anh, chị để làm người GH thì ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại là người GH hoặc những người này thỏa thuận cử một hoặc một số người trong số họ làm người GH; trong trường hợp không có ông bà thì bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột hoặc dì ruột là người GH.

+ Người GH đương nhiên của người mất năng lực hành vi dân sự: Trường hợp người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ lựa chọn người GH cho mình thì khi họ ở tình trạng mất năng lực hành vi dân sự, cá nhân, pháp nhân được lựa chọn là người GH nếu người này đồng ý. Việc lựa chọn người GH phải được lập thành văn bản có công chứng hoặc chứng thực. Trường hợp không có lựa chọn người GH thì người GH đương nhiên của người mất năng lực hành vi dân sự được xác định như sau: vợ hoặc chồng của người mất năng lực hành vi dân sự; trường hợp cha hoặc mẹ không đủ điều kiện làm người GH thì người con cả là người GH; nếu người con cả không có đủ điều kiện làm người GH thì người con tiếp theo có đủ điều kiện làm người GH là người GH; trường hợp người thành niên mất năng lực hành vi dân sự chưa có vợ, chồng, con hoặc có mà vợ, chồng, con đều không có đủ điều kiện làm người GH thì cha, mẹ là người GH[[25]](#footnote-25).

### *e. Bạo lực gia đình*

+ Bạo lực gia đình thường là nguyên nhân dẫn đến ly hôn, hủy việc nuôi con nuôi, tranh chấp về giám hộ, về tài sản, về cấp dưỡng,… Pháp luật hiện tại quy định, BLGĐ là: “hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình[[26]](#footnote-26).

+ Luật Phòng, chống BLGĐ năm 2007 xác định cụ thể 09 nhóm hành vi BLGĐ gồm: (i) hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng; (ii) lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm; (iii) cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng; (iv) ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau; (v) cưỡng ép quan hệ tình dục; (vi) cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; (vii) chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình; (viii) cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính; (ix) có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở[[27]](#footnote-27). Hành vi BLGĐ quy định tại 09 nhóm trên cũng được áp dụng đối với thành viên gia đình của vợ, chồng đã ly hôn hoặc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng[[28]](#footnote-28).

+ Luật Phòng, chống BLGĐ khuyến khích việc thực hiện các hình thức hòa giải đối với mâu thuẫn, tranh chấp (hòa giải của gia đình, dòng họ; hòa giải của cơ quan, tổ chức và hòa giải tại tổ chức hòa giải cơ sở)[[29]](#footnote-29); cũng xác định các hình thức xử lý, như: tư vấn, góp ý, phê bình tại cộng đồng; các biện pháp ngăn chặn và bảo vệ, đặc biệt là biện pháp cấm tiếp xúc của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và thị trấn (UBND cấp xã) biện pháp cấm tiếp xúc của Tòa án nhân dân (TAND) cấp huyện; việc phát hiện và xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt hành chính, bồi thường dân sự và truy cứu trách nhiệm hình sự.

***f. Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài***

 Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài là quan hệ hôn nhân và gia đình mà ít nhất một bên tham gia là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc quan hệ hôn nhân và gia đình giữa các bên tham gia là công dân Việt Nam nhưng căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài, phát sinh tại nước ngoài hoặc tài sản liên quan đến quan hệ đó ở nước ngoài.

 *a.* *Nguyên tắc áp dụng pháp luật****:*** Pháp luật về HN&GĐ[[30]](#footnote-30) của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được áp dụng đối với quan hệ HN&GĐ có yếu tố nước ngoài, trừ trường hợp:

- Áp dụng quy định của điều ước quốc tế trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật.

- Trong trường hợp các văn bản pháp luật khác của Việt Nam có dẫn chiếu về việc áp dụng pháp luật nước ngoài thì pháp luật nước ngoài được áp dụng, nếu việc áp dụng đó không trái với các nguyên tắc cơ bản được quy định tại Điều 2 của Luật HN&GĐ năm 2014.

- Trong trường hợp pháp luật nước ngoài dẫn chiếu trở lại pháp luật Việt Nam thì áp dụng pháp luật về HN&GĐ Việt Nam.

- Áp dụng pháp luật nước ngoài trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên có dẫn chiếu.

 *b. Thẩm quyền giải quyết các vụ việc HN&GĐ có yếu tố nước ngoài[[31]](#footnote-31):*

Cụ thể:(i). Thẩm quyền đăng ký hộ tịch liên quan đến các quan hệ HN&GĐ có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về hộ tịch. (ii). Thẩm quyền giải quyết các vụ việc HN&GĐ có yếu tố nước ngoài tại Tòa án được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. (iii). Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và GH giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam theo quy định của Luật HN&GĐ và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

 - Thẩm quyền đăng ký khai sinh[[32]](#footnote-32): UBND cấp huyện nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em trong các trường hợp sau đây: *Trẻ em được sinh ra tại Việt Nam*: (i) Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch; (ii) Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam cư trú ở trong nước còn người kia là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài;(iii) Có cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; (iv) Có cha và mẹ là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch; *Trẻ em được sinh ra ở nước ngoài* chưa được đăng ký khai sinh về cư trú tại Việt Nam: (i) Có cha và mẹ là công dân Việt Nam; (ii) Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam.

 - Thẩm quyền đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài:[[33]](#footnote-33) (i) UBND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài. (ii) Trong trường hợp người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn tại Việt Nam thì UBND cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên thực hiện đăng ký kết hôn.

- Thẩm quyền đăng ký nhận cha mẹ con[[34]](#footnote-34): UBND cấp huyện nơi cư trú của người được nhận là cha, mẹ, con thực hiện đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài; giữa người nước ngoài với nhau mà một hoặc cả hai bên thường trú tại Việt Nam.

 - Thẩm quyền đăng ký GH, chấm dứt GH[[35]](#footnote-35): UBND cấp huyện nơi cư trú của người được GH hoặc người GH thực hiện đăng ký giám hộ giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài cùng cư trú tại Việt Nam. UBND cấp huyện nơi đã đăng ký GH thực hiện đăng ký chấm dứt GH.

 - Thẩm quyền giải quyết vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài tại Tòa án: Theo quy định[[36]](#footnote-36) thì TAND cấp tỉnh nơi bị đơn cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam giải quyết, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 “TAND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và GH giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định khác của pháp luật Việt Nam”.

 *c. Hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu về hôn nhân và gia đình[[37]](#footnote-37)*

Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận để sử dụng giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

# II. TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

## 1. Các nguyên tắc trong pháp luật về hôn nhân và gia đình

a. Một nguyên tắc cơ bản xuất phát từ Hiến pháp năm 2013 mà Luật HN&GĐ 2014 đặt ra là: Nhà nước, xã hội và gia đình bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, bảo hộ quyền của bà mẹ, trẻ em, giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ.

Quyền yêu cầu ly hôn có thể đơn phương nhưng *“Người chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi”[[38]](#footnote-38).*

Quyền yêu cầu tòa án bảo vệ được thể hiện dưới hai hình thức là khởi kiện vụ án dân sự hoặc yêu cầu giải quyết việc dân sự: *“Cơ quan, tổ chức, cá nhân do Bộ luật này quy định có quyền khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác”[[39]](#footnote-39).*

b. Các quan hệ về HN&GĐ gắn với nhân thân, không thể chuyển giao, không đền bù ngang giá, vì chủ yếu các quyền và lợi ích hợp pháp về HN&GĐ do quan hệ nhân thân, huyết thống tạo ra. Sự kiện về HN&GĐ được xác định đúng thời điểm và gắn với quyết định (sự công nhận) của Nhà nước (thời điểm đăng ký kết hôn, thời điểm mở thừa kế, ngày xác định cha, mẹ, con, thời điểm công nhận con nuôi, thời điểm chấm dứt hôn nhân, thời điểm chấm dứt con nuôi, v.v.).

c. Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì TAND giải quyết việc ly hôn[[40]](#footnote-40).

d. Việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình[[41]](#footnote-41).

đ. Về phòng chống BLGĐ, pháp luật quy định các nguyên tắc xử lý, như: (i) Kết hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống BLGĐ, lấy phòng ngừa là chính, chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục về gia đình, tư vấn, hoà giải phù hợp với truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. (ii) Hành vi BLGĐ được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật. (iii) Nạn nhân BLGĐ được bảo vệ, giúp đỡ kịp thời phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của họ và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và phụ nữ. (iv) Phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống BLGĐ.

## 2. Đặc thù của các vụ việc trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình

a. Đương sự có quan hệ vợ chồng, cha mẹ và con, các thành viên khác trong gia đình (ông bà, cháu, anh, chị, em, cô, dì…), có tính đặc thù trên cơ sở hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng, cấp dưỡng; mọi lợi ích đều liên quan đến quan hệ HN&GĐ, đặc biệt là về nhân thân và về tài sản.

*Mâu thuẫn, tranh chấp về ly hôn, nuôi con nuôi, giám hộ và BLGĐ có chủ thể là cá nhân với cá nhân (không có chủ thể là pháp nhân, cơ quan, tổ chức).*

b. Tranh chấp về HN&GĐ là những tranh chấp được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật về HN&GĐ và pháp luật dân sự; Ngoài ra, còn bị ràng buộc bởi đạo đức, phong tục, tập quán, các quan hệ xã hội khác của dòng tộc, gia tộc,… không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, Luật có quy định rõ:

*“Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng. Vụ việc dân sự chưa có điều luật để áp dụng là vụ việc dân sự thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự nhưng tại thời điểm vụ việc dân sự đó phát sinh và cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu Tòa án giải quyết chưa có điều luật để áp dụng”[[42]](#footnote-42).*

*Việc giải quyết vụ việc dân sự chưa có luật áp dụng được thực hiện theo thứ tự sau: (1) Áp dụng tập quán; (2) Áp dụng tương tự pháp luật; (3) Áp dụng nguyên tắc cơ bản của pháp luật, án lệ, lẽ công bằng[[43]](#footnote-43).*

c. Việc giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình phải tuân thủ nguyên tắc bảo vệ hài hòa lợi ích các cá nhân/thành viên gia đình với lợi ích chung của gia đình. Quyền HN&GĐ của cá nhân được thực hiện trong gia đình, khi cá nhân đó là thành viên gia đình (là vợ, chồng, cha, mẹ, con…), vì vậy, để đảm bảo quyền HN&GĐ của cá nhân thì cần phải bảo vệ gia đình.

d. Ưu tiên vận dụng các biện pháp tư vấn, giải thích hướng đến hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp để vợ chồng đoàn tụ, chung sống thuận hòa, hiểu và cảm thông, chia sẻ với nhau, bảo vệ được trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật; gắn kết các thành viên gia đình, giúp họ tự điều chỉnh hành vi và có cách ứng xử cho phù hợp.

## 3. Đặc thù về đại diện khởi kiện các vụ việc hôn nhân và gia đình

Theo quy định của BLDS năm 2015, Luật HN&GĐ năm 2014, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 thì ngoài đương sự, còn một số chủ thể sau được quyền khởi kiện hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết các vụ việc HN&GĐ:

a. Người đại diện theo pháp luật có quyền khởi kiện, yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; cụ thể: Người chưa thành niên (trừ các trường hợp người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi đã tham gia lao động theo hợp đồng lao động hoặc giao dịch dân sự bằng tài sản riêng của mình); người mất năng lực hành vi dân sự; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi của mình[[44]](#footnote-44).

b. Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện, yêu cầu vụ việc về hôn nhân và gia đình theo quy định[[45]](#footnote-45). Theo đó, các cơ quan này có quyền khởi kiện, yêu cầu về huỷ việc kết hôn trái pháp luật, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, tranh chấp xác định cha, mẹ, con, tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng.

c. Cá nhân có quyền khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khác theo quy định[[46]](#footnote-46). Trong trường hợp này thì các cá nhân sau đây có quyền khởi kiện:

 *(i) Vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác; cha, mẹ, con, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác của người kết hôn trái pháp luật; (ii) Người thân thích có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; (iii) Người thân thích có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; (iv) Cha, mẹ, con, người giám hộ có quyền yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự; xác định con cho cha, mẹ chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự trong các trường hợp được luật định[[47]](#footnote-47); (v) Người thân thích có quyền yêu cầu Tòa án buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó; (vi) Cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ; (vii) Cha mẹ nuôi, con nuôi đã thành niên, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của con nuôi có quyền yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi.*

## 4. Nguyên tắc tôn trọng sự thật khách quan và công bằng

+ Tôn trọng sự thật khách quan trong vụ việc ly hôn và BLGĐ là yêu cầu cốt lõi để hiểu rõ bản chất mâu thuẫn, tranh chấp, từ đó tìm ra giải pháp hợp lý giúp các bên giải quyết vấn đề hợp tình, hợp lý, hợp pháp nhằm bảo đảm công bằng giữa các bên.

+ Các quyền cơ bản của con người, quyền công dân và quyền của thành viên gia đình sẽ được bảo đảm khi tôn trọng sự thật khách quan và công bằng.

+ Công bằng vừa là mục đích, vừa là chuẩn mực để đánh giá thực chất mối quan hệ HN&GĐ, có lưu ý quan tâm đến quyền của trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ để có định hướng tiếp theo trong quy trình TGPL.

## 5. Tôn trọng tính tự nguyện, tự giải quyết

+ Tôn trọng tính tự nguyện của đối tượng như: họ phải yêu cầu qua đơn thể hiện nguyện vọng của họ; có quyền thay đổi, rút yêu cầu TGPL vào bất cứ thời điểm nào; có quyền yêu cầu đích danh người thực hiện và thay đổi người thực hiện TGPL; có quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện TGPL.

+ Tôn trọng tính chủ động, tự giải quyết của đối tượng, như: đưa ra ý kiến cá nhân; tự lựa chọn phương án giải quyết trên cơ sở sự phân tích và các thông tin pháp luật mà người thực hiện TGPL cung cấp; việc giải quyết tranh chấp và vướng mắc về ly hôn và BLGĐ theo cách nào, hình thức nào là do đối tượng tự quyết định. Người thực hiện TGPL chỉ cung cấp các quy định của pháp luật trên cơ sở đã xác minh vụ, việc và làm rõ các tình tiết, dự báo các hậu quả, các phương án xử lý cho đối tượng, tư vấn để đối tượng tự lựa chọn mà không mang tính chất bắt buộc.

## 6. Hòa giải và các biện pháp thay thế

+ Hòa giải và các biện pháp thay thế (tư vấn, góp ý tại cộng đồng, khiển trách hoặc xin lỗi công khai tại cộng đồng) không phải ra Tòa giúp cho vợ, chồng hoặc người có hành vi BLGĐ và nạn nhân BLGĐ và các tranh chấp về HN&GĐ tự nhận thức ra đúng sai trong hành vi của họ theo quy định của pháp luật và đạo đức, phong tục, tập quán, nhằm giúp giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp hợp tình, hợp lý, phù hợp với hoàn cảnh, pháp luật, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán.

+ Tính kịp thời, gần dân, sát dân, ngay tại địa bàn, nắm rõ sự việc lại linh hoạt và không tốn kém, giữ được sự đoàn kết, không gây căng thẳng mâu thuẫn là lợi thế rất lớn khi thực hiện hòa giải hoặc các biện pháp thay thế của TGPL về HN&GĐ.

+ Người thực hiện TGPL tham gia hòa giải làm trung gian, có vị trí độc lập, phân tích, hướng dẫn và thuyết phục trên cơ sở pháp luật và phong tục, giúp các bên tự thỏa thuận, quyết định về việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp giữa vợ chồng và giữa các thành viên gia đình.

## 7. Quyền và lợi ích của trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ

 Trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ là đối tượng dễ bị thiệt thòi trong ly hôn và có nguy cơ là nạn nhân BLGĐ ngay trong gia đình mình. Vì vậy, khi TGPL về ly hôn, nuôi con nuôi, giám hộ và BLGĐ tôn trọng nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền của các nhóm đối tượng này theo quy định của Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên[[48]](#footnote-48) và quy định của pháp luật Việt Nam[[49]](#footnote-49).

*Mọi thỏa thuận của cha mẹ, con liên quan đến quan hệ nhân thân, tài sản không được ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình[[50]](#footnote-50).*

## 8. Kỹ năng trợ giúp pháp lý các vụ việc về hôn nhân và gia đình

### *(1) Kỹ năng tiếp xúc đối tượng*

+ Khi tiếp xúc với đối tượng, người thực hiện TGPL cần có thái độ đúng mực, cởi mở, thân thiện, tôn trọng, cảm thông và tạo được sự tin cậy.

+ Hiểu rõ tính chất vụ việc là liên quan đến riêng tư và gia đình nên đối tượng thường e ngại khi nói về những mâu thuẫn, xung đột gia đình và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, xung đột, cũng như những biểu hiện không đẹp của hành vi. Do vậy, người thực hiện TGPL phải ổn định tâm lý cho người được TGPL bằng cách khích lệ, động viên, an ủi, biết cách đặt các câu hỏi để khuyến khích đối tượng trình bày vụ việc, chia sẻ cụ thể các tình tiết và nêu rõ mong muốn về hướng giải quyết vụ việc, tuyệt đối không gây kích động hoặc đánh giá, phán xét về đối tượng (cả khi gặp tình huống đối tượng có lỗi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng hoặc là người có hành vi BLGĐ).

*Ví dụ: Một phụ nữ dân tộc thiểu số với tâm trạng buồn bã, sợ sệt xin được TGPL vì vừa trải qua đợt điều trị 10 ngày do bị chồng dùng gậy đánh dẫn đến thương tích nặng và hiện đang ở tạm nhà người thân. Theo câu chuyện chị cho biết thì người chồng thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị và hiện chị đang bối rối không biết làm thế nào trong những ngày tới,... Đối với trường hợp này, người thực hiện TGPL không nên đặt câu hỏi ngay về nguyên nhân nào chị bị chồng đánh… mà nên trò chuyện, đặt các câu hỏi liên quan đến bản thân đối tượng như tình trạng sức khỏe hiện tại, làm nghề gì, mức độ hài lòng về công việc và thu nhập, về con và những người thân thích khác. Khi đối tượng đã bình tâm, tin tưởng thì lúc đó hãy đặt một số câu hỏi mang tính gợi mở để đối tượng nói về hoàn cảnh và nguyên nhân bị chồng đánh như: anh chồng thường đánh đập chị như thế nào? khi nào? đánh bằng cái gì? hậu quả của mỗi lần bị đánh… Từ các câu hỏi này, người thực hiện TGPL có thể hiểu được nguyên nhân và mức độ nguy hiểm của hành vi bạo lực từ người chồng đối với chị, từ đó hãy phân tích yếu tố tâm lý, tình cảm, giúp chị hiểu thêm về trạng thái tâm lý của người chồng trong tình huống ứng xử hàng ngày giữa vợ và chồng nhằm tránh xung đột, mâu thuẫn. Có thể người thực hiện TGPL nhận thấy đối tượng là nạn nhân, nhưng cũng có lỗi dẫn đến bị đánh thì cũng không được đưa ra lời phán xét như: trong trường hợp này chị cũng có lỗi, chị làm như vậy là kích động chồng,… mà chỉ có thể đặt câu hỏi để đối tượng tự đánh giá về cách ứng xử của mình như: chị có thấy mình ứng xử như vậy có điểm gì chưa phù hợp không?... Cần chú ý câu trả lời để nắm bắt được thái độ và cảm xúc của đối tượng; sau đó, đưa ra một số gợi ý để đối tượng lựa chọn cách ứng xử đối với người chồng nhằm ngăn chặn bạo lực và cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Bên cạnh đó, người thực hiện TGPL hướng dẫn cho đối tượng tìm đến các cá nhân có uy tín với người chồng hoặc cơ quan, tổ chức gặp gỡ thuyết phục, giáo dục người chồng chấm dứt hành vi bạo lực đối với vợ, tuy nhiên việc gặp gỡ cơ quan chồng phải thận trọng vì có thể đem đến hiệu ứng ngược. Mục đích tư vấn là hòa giải mâu thuẫn, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp, phòng ngừa và ngăn chặn bạo lực, tránh tình trạng đi sâu phân tích hành vi sai trái của người chồng, gây kích động cho đối tượng, làm cho quan hệ giữa vợ chồng càng thêm căng thẳng.*

+ Cần tập trung lắng nghe, không làm việc riêng, kết hợp hỏi và ghi chép để có thể hiểu rõ các tình tiết vụ việc, từ đó đánh giá thực chất mối quan hệ gia đình của đối tượng, tìm ra được các vấn đề cần hỏi thêm, các tài liệu cần bổ sung...

+ Nếu đối tượng là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số… không tự trình bày được thì cần yêu cầu người đại diện của họ, nhân viên xã hội, người biết tiếng dân tộc, nhà tâm lý hoặc phiên dịch hỗ trợ cho đối tượng.

+ Vấn đề tranh chấp trong HN&GĐ thường phát sinh từ mâu thuẫn gia đình diễn ra kéo dài hoặc có những bước ngoặt nào đó, và chỉ khi vấn đề trở nên nghiêm trọng thì đối tượng mới tìm đến TGPL… Do đó, người thực hiện TGPL phải kiên trì, ổn định tinh thần và gợi ý khéo léo, nhưng không cắt lời họ, để họ trình bày theo diễn biến thời gian và không sa vào kể lể dài dòng hoặc đưa ra các tình tiết không cần thiết.

### *(2) Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, nhận diện vụ việc về hôn nhân và gia đình*

+ Nghiên cứu hồ sơ để nhận diện vụ việc, xác định lĩnh vực pháp luật và hình thức cần TGPL là khâu rất quan trọng trong các vụ việc HN&GĐ nên người thực hiện TGPL phải kiểm tra hồ sơ vụ việc[[51]](#footnote-51), cụ thể: (a) Đơn yêu cầu TGPL; (b) Giấy tờ chứng minh là người được TGPL; (c) Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ, việc như Giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh của con, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận về quyền sử dụng nhà đất, giấy khám thương do BLGĐ, giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giấy xác nhận giám hộ, giấy xác nhận người khuyết tật,v.v.

+ Nghiên cứu hồ sơ để hiểu rõ tình trạng quan hệ vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như giữa các thành viên gia đình, mức độ mâu thuẫn, diễn biến và tính chất nghiêm trọng của tranh chấp trong HN&GĐ, các căn cứ yêu cầu ly hôn, các hành vi BLGĐ đã xảy ra, vấn đề con cái, người cao tuổi, người khuyết tật cần nuôi dưỡng, các nghĩa vụ dân sự, các mối quan hệ xã hội của các bên, v.v.

+ Bám sát yêu cầu của người được TGPL để xác định đúng, đầy đủ về quan hệ pháp luật cần phải giải quyết, ví dụ: Ly hôn có yêu cầu cấp dưỡng, có chia tài sản hoặc ly hôn do ngược đãi, đánh đập, yêu cầu thay đổi người nuôi con, hủy việc nuôi con nuôi…; lên danh sách theo thứ tự thời gian về các tài liệu, chứng cứ mà đối tượng đưa ra; xác minh tính chính xác và có cơ sở pháp lý, tính thống nhất và logic giữa các tình tiết với nhau; các quyết định đã giải quyết của các cơ quan (nếu có); các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ đã đủ làm rõ các vấn đề cần giải quyết hay chưa; các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ có giá trị làm chứng cứ khi vụ việc được đưa ra giải quyết tại Tòa án hay không? so sánh về thời điểm, các số liệu,… có cần phải thu thập thêm chứng cứ, tài liệu hoặc yêu cầu về giám định, hỏi thêm nhân chứng hoặc có cần phải kiểm tra, xác minh tính xác thực của tài liệu, giấy tờ mà đối tượng cung cấp hay không.

+ Xác định cụ thể các điều luật, văn bản pháp luật cần áp dụng; dự kiến các biện pháp và phương án giải quyết theo quy định của pháp luật; nắm rõ địa bàn của đối tượng để khi cần thiết có thể hỗ trợ hoặc liên hệ.

### *(3) Kỹ năng thu thập tài liệu, chứng cứ và đánh giá chứng cứ trong vụ việc về hôn nhân và gia đình*

Trong một vụ việc về hôn nhân gia đình thường tồn tại 03 mối quan hệ cơ bản: quan hệ hôn nhân, quan hệ nuôi con chung và quan hệ về tài sản. Khi thực hiện TGPL những vụ việc về hôn nhân gia đình, người thực hiện TGPL cần thu thập các tài liệu, chứng cứ về 03 mối quan hệ trên để làm rõ các tình tiết của vụ việc và đưa ra các phương án tư vấn pháp lý phù hợp.

+ *Về quan hệ hôn nhân*: thông thường trong các vụ việc về HN&GĐ, khi có yêu cầu TGPL đương sự thường cung cấp các giấy tờ, tài liệu ban đầu như: Giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh của các con (nếu có con), chứng minh nhân dân/căn cước công dân, sổ hộ khẩu… Người thực hiện TGPL cần yêu cầu đương sự cung cấp bản chính để đối chiếu, xác thực, xác minh tính hợp pháp của các giấy tờ, tài liệu đó. Ngoài ra, người thực hiện TGPL có thể thu thập tài liệu, chứng cứ thông qua việc khai thác thông tin từ chính đương sự và những người có mối quan hệ gần gũi với đương sự như cha, mẹ, cơ quan quản lý của vợ, chồng; bởi quan hệ hôn nhân là mối quan hệ trong một thời gian dài, gắn liền với chính các đương sự, chỉ có các đương sự mới hiểu và biết rõ các sự kiện, tình tiết đã xảy ra. Từ các tài liệu, chứng cứ thu thập được người TGPL có thể xác minh được quan hệ vợ chồng có hợp pháp không? Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng? Họ chung sống hạnh phúc đến khi nào? Các mâu thuẫn lớn nào làm gián đoạn cuộc sống hạnh phúc? Hai bên đã khắc phục những mâu thuẫn lớn đó như thế nào? Tình trạng sống chung hiện nay? Đánh giá về tình cảm của vợ chồng?...

 *+ Về quan hệ nuôi con chung:* người thực hiện TGPL cần thu thập các tài liệu, chứng cứ để xác minh về quan hệ nuôi con chung của các đương sự như: Có bao nhiêu con? Con đã thành niên hay chưa thành niên? Có con nuôi hay không? Mối quan hệ giữa cha mẹ và các con? Tình trạng thu nhập của hai vợ chồng hiện nay? Nguyện vọng của con nếu cha mẹ ly hôn? Yêu cầu cụ thể về việc nuôi con sau khi ly hôn như ai trực tiếp nuôi? Mức cấp dưỡng nuôi con? Phương thức cấp dưỡng nuôi con? Có yêu cầu gì đặc biệt về nuôi con sau ly hôn không?

*+ Về quan hệ tài sản:* Người thực hiện TGPL yêu cầu đương sự cung cấp các giấy tờ chứng minh tài sản chung của vợ chồng và các tài sản riêng như: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà chung của vợ chồng, giấy tờ về việc tặng cho chung hoặc tặng cho riêng, văn bản thỏa thuận tài sản riêng trước hôn nhân… Để xác định tài sản chung, căn cứ pháp lý để xác lập tài sản chung vợ chồng là thời kỳ hôn nhân và là căn cứ cơ bản nhất. Về nguyên tắc, tất cả tài sản do vợ chồng tạo ra, không cần thiết là cả hai cùng trực tiếp tạo ra, không phụ thuộc vào điều kiện, công sức đóng góp của vợ hoặc chồng. Đặc điểm tài sản chung của vợ chồng là tài sản thuộc hình thức sở hữu chung hợp nhất, thời kỳ hôn nhân được hiểu là “khoảng thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng tính từ ngày đăng ký kết hôn đến ngày chấm dứt hôn nhân”. Trong thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng, ranh giới giữa tài sản chung và tài sản riêng dường như không có sự phân biệt. Đặc biệt đối với những trường hợp nguồn gốc nhà, đất, quyền sử dụng đất của một bên có trước khi kết hôn, nhưng trong quá trình chung sống, nhà đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên người sử dụng đất là vợ và chồng. Đối với việc vay nợ của vợ chồng, công sức đóng góp tạo dựng tài sản nếu chung sống với gia đình, yêu cầu giải quyết như thế nào, từ đó, yêu cầu họ cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan như: Nguồn gốc tài sản do đâu mà có; có từ trước hay sau khi kết hôn; do vợ chồng làm ra hay được tặng cho, thừa kế, được tặng cho chung hay được tặng cho riêng… Nếu là tài sản riêng thì đã nhập vào tài sản chung chưa, các văn bản thể hiện là gì, nếu không có văn bản thì quá trình sử dụng chung tài sản từ bao giờ, vào những việc gì, ai sử dụng, những ai biết, chứng kiến việc đó, ý kiến của người liên quan như thế nào, để từ đó, đánh giá xác định đúng các tài sản nào là tài sản chung, công sức đóng góp và phân chia đúng pháp luật.

### *(4) Kỹ năng hòa giải và áp dụng biện pháp thay thế về hôn nhân và gia đình*

+ Cần khách quan, công bằng, tôn trọng sự thật và tính tự nguyện của các bên, hướng dẫn, giải thích, tạo cơ hội ngang bằng để họ trình bày, bày tỏ quan điểm,...

+ Khi hòa giải cần hướng mục tiêu vào tính huyết thống, tình yêu, con cái, cha mẹ hai bên, sự nghiệp của vợ chồng và đạo đức xã hội để tạo cho các bên cơ hội suy nghĩ lại đầy đủ hơn về sự duy trì mối quan hệ gia đình hay phải ly hôn; để các bên thể hiện và làm rõ mức độ mâu thuẫn, tính chất nghiêm trọng của vụ việc và tâm tư, nguyện vọng giải quyết của các bên. Trường hợp vợ chồng đồng thuận ly hôn mà có bất đồng về phân chia tài sản nên yêu cầu trợ giúp thì người thực hiện TGPL cần hòa giải, phân tích và hỗ trợ để họ hiểu và tự thỏa thuận về việc chia tài sản, ví dụ: thông báo về mức án phí, về thời gian đi lại tại Tòa án, tài sản để cho con cái,… Điều này một mặt giảm căng thẳng giữa hai bên, để họ chia tay một cách nhân văn, không tốn kém, mặt khác giảm bớt công việc cho tòa án.

+ Khi tham gia hòa giải phải có thái độ chân tình, đúng mực, chủ động tiếp xúc, giải thích pháp luật áp dụng cụ thể vào các tình tiết của vụ việc ly hôn hoặc BLGĐ một cách kiên trì, khách quan, công bằng, hợp tình, hợp lý và giữ bí mật thông tin đời tư của các bên, tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, không xâm phạm lợi ích công cộng. Hòa giải có thể được tiến hành nhiều lần. Quy trình, thành phần tham dự hòa giải có thể được điều chỉnh linh hoạt phù hợp với yêu cầu của từng vụ việc.

+ Trong quá trình giải quyết vụ việc BLGĐ (không có yếu tố hình sự), nếu đương sự lựa chọn các biện pháp thay thế hoặc hình thức hòa giải, đối thoại tại Tòa án trước khi nộp đơn khởi kiện thì người thực hiện TGPL phải chuẩn bị đẩy đủ các thông tin, các phương án giải quyết để tham gia các cuộc họp cộng đồng, phiên hòa giải cùng với đối tượng để bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp cho đối tượng.

+ Khi áp dụng các biện pháp thay thế như tư vấn, góp ý tại cộng đồng, khiển trách hoặc xin lỗi công khai tại cộng đồng… cần thể hiện thái độ thiện chí, với tinh thần xây dựng, đoàn kết, nhằm hàn gắn các mối quan hệ gia đình, tránh chỉ trích dẫn đến căng thẳng sẽ không đạt được hiệu quả.

### *(5) Kỹ năng tư vấn pháp luật trong các vụ hôn nhân và gia đình*

+ Thực hiện TVPL cho đối tượng là việc hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, mâu thuẫn, cung cấp thông tin pháp lý, địa chỉ cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ, việc… trang bị kiến thức và niềm tin vào công lý và bình đẳng của pháp luật để đối tượng tự tin trong việc lựa chọn phương án tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong tiếp cận công lý để giải quyết vụ, việc.

+ Nghiên cứu hồ sơ, lắng nghe trình bày, ghi chép đầy đủ nội dung, gợi ý và đặt thêm câu hỏi, yêu cầu đối tượng cung cấp thêm tài liệu, thông tin để làm rõ yêu cầu tư vấn và bản chất vụ việc. Các vụ việc về HN&GĐ là vấn đề rất riêng tư và nhạy cảm nên kết hợp với tư vấn về tâm lý, tình cảm, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán và xu thế thời đại, với thái độ cảm thông để nắm rõ diễn biến, từ đó phân tích sự việc trên cơ sở pháp luật, giúp đối tượng nhận thức rõ hướng ứng xử phù hợp.

+ Cung cấp các điều luật và văn bản pháp luật cụ thể để đối tượng có được kiến thức về các thông tin pháp lý liên quan, khẳng định với đối tượng những cơ sở pháp lý chắc chắn mà không phải theo cảm tính chủ quan, từ đó, đưa ra các phương án, giải pháp, trả lời các câu hỏi của đối tượng, khiến họ tin tưởng và biết cách lựa chọn cách giải quyết vụ việc phù hợp với pháp luật.

+ Có thể hẹn đối tượng để tư vấn vào dịp gần nhất khi họ có đầy đủ thông tin và tài liệu về vụ, việc, đồng thời có thể kết hợp với việc hoà giải mâu thuẫn, tránh phải đưa vụ việc ra Tòa án.

*Lưu ý:* (i) Đối tượng thường có suy nghĩ chủ quan, bảo thủ, cho rằng mình đúng nên trình bày vấn đề theo hướng là mình đúng, mà thiếu khách quan, do vậy người tư vấn cần đặt thêm các câu hỏi để làm rõ sự thật về quan hệ vợ chồng, về hành vi BLGĐ đã xảy ra và diễn biến; (ii) Trong quan hệ HN&GĐ đôi khi gặp vấn đề khó giải quyết, đối tượng tìm đến người thực hiện TGPL để kể sự việc đang đối mặt mong nhận được sự cảm thông, chia sẻ mà không hẳn để nhận TVPL; (iii) Giữ bí mật vụ việc; (iv) Lưu ý các hậu quả pháp lý của mỗi một giải pháp khi xử lý vấn đề về giám hộ, nuôi con nuôi, bạo lực gia đình hoặc ly hôn.

### *(6) Kỹ năng hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình*

+ Đối tượng là nạn nhân của BLGĐ cần được cảm thông, chia sẻ và ngoài các kỹ năng tư vấn pháp luật hoặc hòa giải như trên, cần giúp họ hiểu biết về các quyền của nạn nhân theo Luật phòng chống BLGĐ 2007 như: được tôn trọng thân thể, nhân phẩm, danh dự; khuyến khích nạn nhân của BLGĐ lên tiếng; được cung cấp địa chỉ cần thông tin khi bạo lực xảy ra, địa chỉ để nạn nhân có thể *“tạm lánh”;* yêu cầu bảo vệ con cái, tài sản và người đang phải nuôi dưỡng: người cao tuổi, người khuyết tật,…

*+ Thông tin về quyền được hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu trong trường hợp cần thiết (UBND cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội khác tại địa phương và các cơ sở trợ giúp nạn nhân BLGĐ thực hiện)[[52]](#footnote-52).*

 *+ Thông tin về các cơ sở trợ giúp: (a) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; (b) Cơ sở bảo trợ xã hội; (c) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGĐ; (d) Cơ sở tư vấn về phòng, chống BLGĐ; (đ) Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng[[53]](#footnote-53).*

*+ Khi nhận thấy nạn nhân BLGĐ có thể bị đe dọa về sức khỏe, tính mạng thì hướng dẫn họ hoặc người GH, người đại diện hợp pháp của họ làm đơn yêu cầu Chủ tịch UBND cấp xã nơi xảy ra BLGĐ áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc; hoặc yêu cầu Tòa án ra quyết định cấm tiếp xúc[[54]](#footnote-54).*

*+ Thông tin về quyền được yêu cầu khám và điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Chi phí cho việc khám và điều trị do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả đối với người có bảo hiểm y tế; nhân viên y tế có trách nhiệm giữ bí mật thông tin; nếu phát hiện hành vi BLGĐ có dấu hiệu tội phạm thì nhân viên y tế báo ngay cho người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để báo cho cơ quan công an nơi gần nhất[[55]](#footnote-55). Tại cơ sở tư vấn, nhân viên tư vấn có trách nhiệm giữ bí mật và nếu có thông tin BLGĐ có dấu hiệu tội phạm phải báo cho cơ quan công an[[56]](#footnote-56).*

### *(7) Kỹ năng trợ giúp pháp lý các vụ việc về hôn nhân gia đình cho trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số và phụ nữ*

+ Đối với các vụ việc về ly hôn, BLGĐ, tranh chấp về nuôi con nuôi hoặc giám hộ cần chú ý đến việc bảo vệ an toàn, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, đang ở độ tuổi trẻ em, những người đang phải nuôi dưỡng như người khuyết tật, người cao tuổi,… Việc bảo vệ, đưa đến cơ sở an toàn khi có BLGĐ, giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng khi ly hôn… phải vì lợi ích về mọi mặt của con. Trường hợp con từ đủ 7 tuổi trở lên thì khi quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải xem xét nguyện vọng của con. Đặc biệt lưu ý vấn đề cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình khi cha mẹ ly hôn.

+ Đối với các vụ việc BLGĐ mà trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ là nạn nhân và là đối tượng cần TGPL thì không chỉ trợ giúp về pháp lý mà còn hỗ trợ về tâm lý, tinh thần, ngôn ngữ, tìm kiếm các biện pháp luật định để yêu cầu bảo vệ. Đặc biệt, đối với trường hợp trẻ em hoặc người khuyết tật bị xâm hại tình dục bởi các thành viên gia đình (chẳng hạn cha dượng xâm hại con riêng của vợ), bị cưỡng ép tảo hôn… thì vấn đề tư vấn về tâm lý, giúp cho nạn nhân bớt hoảng loạn, sợ hãi là vô cùng cần thiết.

+ Đối với các vụ việc về nuôi con nuôi hoặc giám hộ mà liên quan đến quyền của trẻ em là con nuôi hoặc là người được giám hộ thì cần dựa trên nguyên tắc bảo vệ trẻ em để đưa ra các giải pháp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em một cách tốt nhất.

+ Cần tiếp xúc để nắm rõ sự việc nhưng tránh việc gây thêm sự xấu hổ hoặc đau khổ cho nạn nhân; đối với người câm hoặc người dân tộc thiểu số cần có phiên dịch, trẻ em, người khuyết tật nặng cần có người GH hoặc đại diện hợp pháp lên tiếng để tránh giấu kín vụ việc, cam chịu, không chia sẻ thông tin. Người thực hiện TGPL phải thể hiện sự cảm thông, chia sẻ, giữ kín thông tin nhưng cần thông báo cho công an trong những vụ cần thiết; cần có địa điểm riêng khi tiếp xúc với những nạn nhân BLGĐ và bạo lực tình dục[[57]](#footnote-57).

+ Cần phối hợp tiếp cận, xử lý các thông tin liên quan đến đối tượng là trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số,… trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ. Lưu ý đưa lên các phương tiện thông tin đại chúng có kiểm soát, giữ bí mật riêng tư, tránh tác động tiêu cực vô tình biến họ thành nạn nhân bị *“bạo lực kép”.*

+ Cung cấp các địa chỉ và số điện thoại liên lạc nóng khi họ cần sự hỗ trợ; ví dụ: trẻ em bị BLGĐ có thể liên hệ **“Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111”.**

### *(8) Kỹ năng trợ giúp pháp lý về ly hôn*

+ Khi tư vấn về ly hôn, thì cần nắm được nguyện vọng của họ để giải quyết các hậu quả pháp lý của việc ly hôn chính là liên quan đến con cái, người cần phụng dưỡng, tài sản, các trách nhiệm, nghĩa vụ dân sự,…Vấn đề thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con, giao con cho ai trực tiếp nuôi phải vì lợi ích về mọi mặt của con và xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên; việc nuôi dưỡng con không có khả năng lao động, con đang đi học xa…cũng cần được quan tâm.

+ Cần làm cho hai bên hiểu về quyền, nghĩa vụ của hai bên như: người nuôi con có quyền yêu cầu người kia thực hiện các nghĩa vụ của họ; không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, cấp dưỡng cho con. Quyền, nghĩa vụ của người không nuôi con là cấp dưỡng cho con, thăm nom con, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

+ Giải thích để hai bên hiểu những trường hợp thay đổi người nuôi con hoặc bị tước quyền nuôi con, thăm nom con,…Việc thay đổi do cha, mẹ thỏa thuận hoặc người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp nuôi con; trường hợp bị Tòa án tước quyền khi có vi phạm nghiêm trọng. Trong trường hợp cả cha và mẹ đều không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con thì có thể giao con cho người GH nuôi.

+ Khi có yêu cầu TGPL để phân chia tài sản khi ly hôn thì cần làm rõ chế độ tài sản theo Luật định hay chế độ tài sản theo thỏa thuận. Trong trường hợp vợ chồng theo chế độ tài sản thỏa thuận thì việc phân chia tài sản đã được ghi rõ trong văn bản thỏa thuận và thực hiện theo nội dung thỏa thuận đó. Nếu nội dung thỏa thuận không đầy đủ, không rõ ràng thì áp dụng quy định tương ứng tại các khoản 2,3,4, 5 Điều 59 và các điều 60, 61, 62, 63, 64 Luật HN&GĐ năm 2014 để giải quyết.

+ Trong trường hợp vợ chồng theo chế độ tài sản Luật định thì việc phân chia tài sản khi ly hôn do vợ chồng thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án chia tài sản theo quy định tại Điều 59 Luật HN&GĐ năm 2014. Người thực hiện TGPL cần giải thích, hướng dẫn đối tượng tự thỏa thuận trong việc phân chia tài sản và những lợi ích và điểm tích cực của việc tự thỏa thuận phân chia tài sản, giảm chi phí, án phí và thời gian… Nếu họ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản thì cần hiểu rõ nguyên tắc chia và việc chia tài sản trong một số trường hợp cụ thể như sau: (i) Tài sản chung được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố: hoàn cảnh của gia đình và của mỗi bên vợ, chồng; xác định công sức đóng góp của vợ, chồng đối với việc tạo lập, duy trì, phát triển tài sản chung. Người làm việc nhà được coi như lao động có thu nhập; lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; (ii) Về chia tài sản của vợ chồng trong một số trường hợp cụ thể như: đang sống chung với gia đình mà ly hôn; tài sản chung là quyền sử dụng đất; nhà ở là tài sản riêng của một bên nhưng trước khi ly hôn vợ chồng cùng chung sống tại đó; lưu ý khả năng bị tẩu tán tài sản… Trong trường hợp có sự tranh chấp về tài sản chung, tài sản riêng giữa vợ và chồng thì cung cấp cho đối tượng căn cứ xác định tài sản chung theo quy định của Luật HN&GĐ[[58]](#footnote-58).

### *(9) Kỹ năng trợ giúp pháp lý tại phiên tòa các vụ án về hôn nhân và gia đình*

a. Thực hiện tư vấn tiền tố tụng để nắm rõ bản chất vụ việc và nghiên cứu kỹ hồ sơ của đối tượng, lời khai của các đương sự (là nguyên đơn hoặc bị đơn trong vụ ly hôn, trong tranh chấp về nuôi con nuôi, về giám hộ, là người có quyền và lợi ích liên quan, là người có hành vi BLGĐ…) và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Cần phát hiện những tình tiết quan trọng của vụ án, nắm được các điểm thống nhất hoặc khác biệt về chứng cứ, tài liệu mà các bên đưa ra để chứng minh, ví dụ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà chứng minh tài sản chung của vợ chồng hoặc tài sản riêng của một bên; giấy khám thương tích chứng minh về hành vi BLGĐ; chứng cứ về thiệt hại thể chất, tinh thần, tài sản…

b. Đối với những vụ việc liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau (như đất đai, dân sự, thương mại, tài chính ngân hàng, hình sự…) mà người thực hiện TGPL thấy chưa đủ cơ sở để bảo vệ cho đối tượng tại Tòa án thì cần phải tiến hành điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ, gặp gỡ, tiếp xúc với các cơ quan chức năng và những người có liên quan để tìm hiểu rõ bản chất vụ việc, yêu cầu bổ sung tài liệu, người làm chứng... Ví dụ: xác định quyền sử dụng đất là tài sản riêng hay tài sản chung của vợ chồng liên quan đến Luật đất đai; xác định và phân chia tài sản trong công ty liên quan đến Luật doanh nghiệp; xác định tài sản được tặng cho hoặc được thừa kế là tài sản riêng hay chung của vợ chồng liên quan đến BLDS…

c. Tại phiên tòa, khi tham gia phần hỏi các đương sự, người thực hiện TGPL cần đặt câu hỏi làm rõ những vấn đề cốt lõi để bảo vệ quyền và lợi ích của đối tượng đã được trình bày, khẳng định trong yêu cầu của đối tượng và tạo căn cứ, cơ sở để bảo vệ quyền lợi của đối tượng, của trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật,… Ví dụ: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khi nào, nguyên nhân mâu thuẫn? tài sản có nguồn gốc từ đâu? mỗi bên vợ chồng đóng góp công sức như thế nào trong việc tạo thu nhập cũng như công việc gia đình? bạo lực giữa các thành viên gia đình bắt nguồn từ đâu? tần xuất và mức độ nguy hiểm của hành vi bạo lực…

+ Thuật ngữ tranh luận cần chính xác, dễ hiểu, trình bày vấn đề rõ ràng, mạch lạc, tránh dài dòng, kể lể, lặp đi lặp lại,… cần nhấn mạnh những điểm quan trọng, các căn cứ pháp lý để cơ quan tiến hành tố tụng hiểu rõ quan điểm của mình về bảo vệ quyền và lợi ích cho đối tượng.

+ Phải tập trung lắng nghe, tiếp nhận thông tin mới được đưa ra tại phiên tòa một cách chính xác và có chọn lọc, nắm bắt được những thông tin quan trọng nhất phục vụ cho vụ việc, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng.

### *(10) Kỹ năng trợ giúp pháp lý về nuôi con nuôi*

a. Người thực hiện TGPL về nuôi con nuôi cần xem xét cụ thể yêu cầu của đối tượng, về quan hệ pháp lý của vụ việc, về các khả năng có thể liên quan đến các đối tượng khác … đặc biệt, chủ yếu tập trung vào điều kiện nuôi con nuôi, hậu quả pháp lý của việc nuôi con nuôi và chấm dứt việc nuôi con nuôi. Ví dụ, vụ việc liên quan đến tranh chấp về việc nhận nuôi con nuôi thì cần tập trung vào các điều kiện nhận nuôi; còn nếu liên quan đến vi phạm nghĩa vụ hoặc quyền của con nuôi thì cần xác định rõ các hành vi vi phạm… hoặc việc hủy bỏ việc nuôi con nuôi do con nuôi bị phân biệt đối xử thì cần tìm kiếm các chứng cứ và các thông tin từ nhân chứng…

b. Khi tư vấn hoặc hòa giải, đại diện tại Tòa, người thực hiện TGPL cần bám sát các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi. Cần nghiên cứu kỹ về hồ sơ nuôi con nuôi, trong đó có điều kiện để được nhận làm con nuôi, các thông tin về quá trình nuôi con nuôi, các quyền và nghĩa vụ có liên quan của các bên và hậu quả pháp lý của việc nuôi con nuôi và hủy bỏ hoặc chấm dứt nuôi con nuôi với cả bố mẹ nuôi và con nuôi, bố mẹ đẻ của con nuôi,… Do nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi hoặc hủy bỏ việc nuôi con nuôi là tôn trọng quyền của trẻ em được sống trong môi trường gia đình gốc và phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi nên trường hợp trẻ em cần được nuôi dưỡng thì cần xác định rõ thứ tự ưu tiên lựa chọn người nhận nuôi con nuôi. Trong trường hợp có nhiều người cùng hàng ưu tiên xin nhận một người làm con nuôi thì xem xét, giải quyết cho người có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nuôi tốt nhất.

Người thực hiện TGPL cần nghiên cứu kỹ quá trình diễn biến của vụ việc, sau khi việc nuôi con nuôi được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền thì bên nhận con nuôi và cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người được nhận làm con nuôi sẽ giao nhận con nuôi. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác của gia đình cha mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi, trừ trường hợp giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi có thỏa thuận khác. Ví dụ: Biên bản giao nhận con nuôi không có thỏa thuận gì khác thì khi con nuôi 14 tuổi gây thiệt hại về tài sản cho người khác thì cha mẹ nuôi phải bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của con nuôi gây ra.

+ Người thực hiện TGPL cần giải thích rõ cho các bên: con nuôi, bố mẹ nuôi, bố mẹ đẻ và những người có liên quan về quyền và nghĩa vụ của họ trong vụ việc cụ thể. Chấm dứt việc nuôi con nuôi sẽ có các hậu quả pháp lý về tài sản, về chế độ nuôi dưỡng, cấp dưỡng (trong trường hợp đứa trẻ bị khuyết tật do lỗi của bố mẹ nuôi), các quyền và nghĩa vụ phát sinh cho bố mẹ đẻ nếu nhận lại đứa trẻ, các nghĩa vụ về tài sản hoặc quyền về thừa kế tài sản (nếu đứa trẻ có đóng góp cho tài sản chung của bố mẹ nuôi, hoặc được tặng cho,…), các quyền và nghĩa vụ của các cá nhân có liên quan, trách nhiệm về án phí,… Lưu ý về ý kiến của con nuôi từ 09 tuổi trở lên.

+ Người thực hiện TGPL cũng cần xem xét về thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ việc về nuôi con nuôi (thuộc thẩm quyền của TAND địa bàn nào?) theo yêu cầu của cha mẹ nuôi, con nuôi đã thành niên, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của con nuôi, cơ quan lao động, thương binh và xã hội, Hội liên hiệp phụ nữ.

### *(11) Yêu cầu về hồ sơ vụ việc*

+ Hồ sơ vụ việc TGPL về ly hôn và BLGĐ phải tuân theo các quy định của pháp luật.

+ Hồ sơ TGPL được phân ra thành 03 loại theo hình thức TGPL: Vụ việc tham gia tố tụng; vụ việc tư vấn pháp luật và vụ việc đại diện ngoài tố tụng.

+ Mỗi loại hồ sơ có các loại giấy tờ, tài liệu khác nhau theo quy định.

+ Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ cần được liệt kê thành danh mục để dễ theo dõi và khẳng định vụ việc TGPL là phù hợp pháp luật và thể hiện quá trình thực hiện vụ việc TGPL. Quá trình TGPL thể hiện qua các biên bản từ khi tiếp xúc đối tượng, biên bản hòa giải, biên bản về các nội dung tư vấn, văn bản mô tả chứng cứ, biên bản giám định, luận chứng tham gia phiên tòa…

# PHỤ LỤC

## I. VỤ VIỆC ĐIỂN HÌNH

### *a) Vụ thứ nhất*

Chị Nguyễn Thị A, khoảng hơn 40 tuổi, đến Trung tâm TGPL yêu cầu được trợ giúp vì chị bị chồng đánh đập nhiều lần trong hơn 10 năm nay.

Chị A kết hôn với anh Trần Văn B năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, thời gian đầu họ chung sống hạnh phúc. Từ năm 2008 giữa họ phát sinh mâu thuẫn vì sau nhiều năm chung sống mà chưa có con. Ban đầu là việc anh B chì chiết, mắng chửi chị A vì không biết đẻ; sau đó là những trận đòn đối với chị vì “đã không biết đẻ lại cũng không biết kiếm tiền lo cho chồng”. Chị A do trình độ hạn chế cộng thêm sức khỏe không tốt nên cũng cho rằng không có con là do lỗi của mình. Vì vậy, chị cố chịu đựng, nhẫn nhịn và chăm sóc anh B. Năm 2010, chị A mang thai và sinh cháu M. Nghĩ rằng có con thì anh B sẽ đối xử tử tế với chị và thương yêu chị, nhưng chị A đã lầm. Anh B càng đối xử với chị tệ bạc, anh B công khai ngoại tình, thường xuyên đánh đập chị A, ngay cả khi chị đang mang thai. Chị cho biết, tuần nào chị cũng bị anh B đánh vài trận, nhẹ thì đấm đá, nặng thì dùng gậy, dây lưng, gạch đá, đã vài lần chị phải đi bệnh viện điều trị vết thương do bị anh B đánh (có Giấy xác nhận của Bệnh viện nơi chị A điều trị). Cha mẹ chồng nhiều lần khuyên chị ly hôn nhưng chị vẫn cố chịu để con có “gia đình đầy đủ”. Do quá nhiều lần bị đánh đập, hành hạ, chị A đã tìm đến Trung tâm TGPL nhà nước muốn được tư vấn về các vấn đề sau:

1. Chị có thể nhờ cơ quan chức năng giải quyết việc gia đình được không? Cơ quan nào có quyền giải quyết? Nếu nhờ các cơ quan chức năng giải quyết thì chồng chị có thể bị xử lý thế nào?

2. Chị có thể đến đâu để được giúp đỡ khi bị chồng đánh?

**Trả lời:**

1. Chị A là nạn nhân của BLGĐ do chồng chị là anh B gây ra nên người thực hiện TGPL cần động viên về tinh thần, làm cho chị A bớt lo lắng, sợ hãi và không e ngại khi nói về tình trạng của mình. Về pháp lý, tư vấn về các quy định của pháp luât như sau:

+ Chị A hoàn toàn có quyền yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết việc gia đình. Chị A nộp đơn tới UBND cấp xã nơi chị cư trú trình bày về việc bị đánh đập, lăng nhục để yêu cầu UBND cấp xã giải quyết.

+ Khi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm của hành vi bạo lực gia đình do anh B gây ra cho chị A để áp dụng các hình thức xử lý sau: (i) Xử lý hành chính: anh B bị xử phạt vi phạm hành chính, gồm cảnh cáo, phạt tiền và các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Nghị định số 167/2013/NĐ – CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình; (ii) Xử lý kỷ luật: Nếu anh B là cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và bị xử lý vi phạm hành chính vì hành vi bạo lực gia đình thì bị thông báo cho người đứng đầu đơn vị có thẩm quyền quản lý anh B để giáo dục. Anh B còn có thể bị kỷ luật với một trong các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, buộc thôi việc; nếu anh B giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì ngoài các hình thức kỷ luật trên còn có hình thức giáng chức, cách chức; (iii) Xử lý hình sự: Nếu hành vi của anh B ở mức độ nguy hiểm, gây hậu quả nghiêm trọng tới sức khỏe và tinh thần của chị A mà xác định được tỷ lệ thương tích theo quy định thì chị A có thể nộp đơn tố cáo đến công an về tội cố ý gây thương tích hoặc tội hành hạ người khác. Khi hành vi của anh B cấu thành tội phạm được quy định tại BLHS năm 2015 (các điều 134, 140, 185) thì anh B bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Khi bị chồng đánh, chị có thể đến một trong các cơ sở trợ giúp nạn nhân BLGĐ như: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Cơ sở trợ giúp xã hội; Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng; Cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGĐ, cơ sở tư vấn về phòng, chống BLGĐ. Đồng thời, chị có thể tố giác đến cơ quan công an, nhờ UBND cấp xã can thiệp, nhờ các cơ quan bảo vệ quyền lợi phụ nữ như Hội liên hiệp phụ nữ… để đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe của bản thân.

### *b) Vụ thứ hai*

 Chị Trần Thị H 44 tuổi, đến Trung tâm TGPL yêu cầu tư vấn về việc gia đình chị. Vợ chồng chị kết hôn năm 2005, có 2 con chung (con gái lớn sinh năm 2006, con trai nhỏ sinh năm 2010). Vợ chồng chị đều có nghề nghiệp ổn định, thu nhập cao, kinh tế khá giả. Năm 2015, khi chị đi giao hàng giúp chồng thì bị tai nạn giao thông, bị liệt hai chân. Từ đó chị phải dùng xe lăn để di chuyển và nghỉ việc, tuy vậy, chị vẫn làm được việc nhà và chăm sóc con. Thời gian đầu, chồng chị, anh T còn quan tâm và chăm lo cho sức khỏe của chị H, sau đó, anh T thành lập doanh nghiệp tư nhân và kinh doanh rất phát đạt nên không quan tâm đến chị nữa, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh. Từ năm 2019, anh T mua thêm nhà và chung sống công khai với một phụ nữ khác. Anh T không còn coi chị như vợ nữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị H xin được tư vấn các vấn đề sau:

1. Chị có nên ly hôn không? Và có được ly hôn không?

2. Chị có được nuôi 2 đứa con không?

3. Chị có được chia ½ tài sản chung không?

**Trả lời:**

1. Về việc chị có nên ly hôn hay không thì người thực hiện TGPL cần giải thích cho chị biết rõ quyền ly hôn là quyền của cá nhân chị và quyền này đã được pháp luật công nhận. Ly hôn hay không ly hôn là việc mà chị cần suy xét kỹ về tình cảm vợ chồng và hậu quả của sau ly hôn đối với bản thân và với các con.

Với tình trạng quan hệ vợ chồng chị như vậy thì có ly hôn được không? Nếu chị có đơn yêu cầu ly hôn và đưa ra chứng cứ chứng minh rằng: mâu thuẫn vợ chồng chị đã trầm trọng; chồng chị đã mua nhà và chung sống công khai với người phụ nữ khác… mà chị thấy rằng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa thì có căn cứ để ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật HN&GĐ năm 2014.

2. Nếu ly hôn thì chị có được nuôi cả 2 con hay không là việc Tòa án sẽ quyết định trên cơ sở cân nhắc lợi ích của hai đứa trẻ, vì khi vợ chồng ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho bên nào trực tiếp nuôi phải vì lợi ích về mọi mặt và sự phát triển của con. Về điểm này chị cần chứng minh về khả năng và điều kiện của chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt hơn là anh T. Cả hai con của anh chị đều chưa thành niên nhưng đã trên 07 tuổi nên Tòa án sẽ hỏi và xem xét nguyện vọng của các cháu muốn ở với bố hay mẹ.

3. Nếu ly hôn chị có được chia ½ tài sản chung không? Anh chị kết hôn trước khi Luật HN&GĐ năm 2014 có hiệu lực nên chế độ tài sản của anh chị theo quy định của pháp luật. Khi ly hôn sẽ phân chia tài sản chung dựa trên sự thỏa thuận của anh chị. Trường hợp không thỏa thuận được thì phân chia theo nguyên tắc quy định tại Điều 59 Luật HN&GĐ năm 2014. Theo đó, về nguyên tắc là chia đôi nhưng phải xem xét đến các yếu tố: hoàn cảnh của gia đình của mỗi bên; công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản (khi xem xét công sức đóng góp thì lao động trong gia đình được coi như lao động có thu nhập); lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng; lợi ích cho trẻ. Chị là người khuyết tật nên sẽ được Tòa cân nhắc khi phân chia tài sản chung.

Chị dù mấy năm gần đây không đi làm để tạo ra tài sản nhưng vẫn chăm sóc con và làm việc nhà nên công sức đóng góp của chị được coi là ngang bằng với công sức đóng góp của chồng.

## II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC VỀ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

## 1. Các nguyên tắc quan trọng khi thực hiện trợ giúp pháp lý về hôn nhân gia đình

### *a. Về cẩm nang hướng dẫn hành nghề*

 Điều cực kỳ quan trọng là mỗi hệ thống TGPL phải tạo ra một bộ cẩm nang hành nghề về HN&GĐ để hướng dẫn các luật sư, trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp luật (sau đây gọi chung là người thực hiện TGPL) làm việc trong các vụ án về HN&GĐ để thực hiện TGPL cho các vụ việc đó. Thực tế là trong các vụ việc về HN&GĐ, vẫn có khả năng xảy ra bạo lực và trẻ em có thể bị tác động xấu... Vì vậy, yêu cầu đặt ra là, người thực hiện TGPL, bao gồm cả cán bộ pháp lý bán chuyên hoặc nhân viên phải được đào tạo về cách giải quyết các vấn đề pháp luật HN&GĐ ở mức độ phù hợp. Ví dụ, một người thực hiện TGPL lần đầu tiên tiếp đối tượng tại văn phòng sẽ cần hiểu các quy tắc cơ bản về cách ứng xử với nạn nhân của BLGĐ, trẻ em, v.v. và cả cách ứng xử với người gây BLGĐ. Họ cũng sẽ cần được đào tạo về thời điểm khi nào và đối tượng nào cần hỗ trợ về tâm lý, xã hội, hỗ trợ của cảnh sát hoặc hỗ trợ khác. Ví dụ, các cộng tác viên sẽ cần được đào tạo sơ bộ về HN&GĐ, còn người thực hiện TGPL giải quyết các vụ việc về HN&GĐ cần được đào tạo kiến thức chuyên môn cần thiết. Cẩm nang hướng dẫn đang tồn tại dưới nhiều hình thức trong các hệ thống TGPL khác nhau, ví dụ, những chi tiết này được lấy từ kinh nghiệm dịch vụ TGPL Victoria ở Úc.

### *b. Nguyên tắc thực hiện công việc của người thực hiện trợ giúp pháp lý*

+ Cách tiếp cận nên: (i) Không gây hấn hoặc cạnh tranh, nhưng mang tính xây dựng và hòa giải; (ii) Tập trung vào việc giảm thiểu các vấn đề giữa các bên và; (iii) Dựa trên chiến lược để tìm ra các giải pháp có thể chấp nhận được và hiệu quả.

 + Cần nhận thức rõ là vụ việc HN&GĐ có thể gây ra bạo lực hoặc mất an toàn, nên cần tìm ra các giải pháp an toàn và hiệu quả, như: (i) Đảm bảo rằng tất cả những người có liên quan nhận ra những nguy cơ tiềm ẩn và chấp nhận rằng sự an toàn của tất cả những người có liên quan là vấn đề chính cần được bảo vệ trước khi thực hiện các vấn đề khác; (ii) Tránh tranh luận trước mặt trẻ em; (iii) Đảm bảo rằng trẻ em không tham gia vào các xung đột nảy sinh giữa cha mẹ đang ly thân; (iv) Đảm bảo rằng lợi ích và sự bảo vệ trẻ em là mối quan tâm hàng đầu; (v) Khuyến khích các mối quan hệ gia đình lâu dài, chung sống cùng nhau hoặc trong một mối quan hệ an toàn, hòa thuận khi không sống cùng nhau; (vi) Xác định các vấn đề đang tranh chấp giữa các bên và xác định vấn đề quan trọng nhất để coi đó là trọng tâm của các giải pháp thiết thực nhất. Trong nhiều vụ việc HN&GĐ, phản ứng cảm tính của các bên sẽ có thể dẫn đến khiếu nại liên quan đến nhiều vấn đề, nhưng hòa giải hoặc thủ tục tòa án hoặc các giải pháp khác không thể giải quyết tất cả các vấn đề đó, nên cần xác định điều quan trọng nhất, trọng tâm nhất phải duy trì để giải quyết những vấn đề đó; (vii) Cố gắng đạt được các giải pháp kịp thời và hiệu quả; (viii) Đảm bảo rằng các chi phí cho các bên, tòa án và hệ thống TGPL không phải là bất hợp lý và được giữ ở mức tối thiểu cần thiết.

### *c. Quy tắc ứng xử của người thực hiện trợ giúp pháp lý*

+ Nhã nhặn, lịch sự và chuyên nghiệp khi giao dịch với các bên; luôn sử dụng ngôn ngữ tương đối đơn giản và rõ ràng để các bên hiểu được. Kiểm tra xem đối tượng có thể nói tiếng Việt phổ thông trước khi các cuộc hòa giải hoặc phiên tòa được tổ chức hay không. Nếu đối tượng cần phiên dịch hoặc hỗ trợ để hiểu các tài liệu, thì cần phải thuê phiên dịch trước khi hòa giải hay phiên tòa xảy ra. Bạn cần cân nhắc xem có thể chấp nhận việc thuê một phiên dịch cho cả hai bên hay không hay bạn sẽ cần một phiên dịch độc lập cho đối tượng của mình;

+ Kiểm tra xem liệu đối tượng có bị khuyết tật hay không và bất kỳ nhu cầu đặc biệt nào mà họ có thể cần;

+ Đảm bảo đối tượng hiểu rằng bất cứ điều gì họ đã viết hoặc ký tên cần phải là sự thật và chính xác, nếu không thì có thể tác đông tiêu cực đến vụ việc. Ví dụ, bằng chứng cho thấy đối tượng không trung thực và nói dối sẽ không có lợi trong quá trình tố tụng tại tòa;

 + Đảm bảo người thực hiện TGPL duy trì tính khách quan nghề nghiệp và không bị ảnh hưởng hoặc thiên vị quá mức;

+ Thực hiện cách tiếp cận chủ động để thu hẹp các vấn đề có liên quan nhất và đang tranh chấp trước khi hòa giải hoặc phiên tòa diễn ra;

+ Cẩn thận trong việc soạn thảo các tài liệu, xem xét ảnh hưởng của thư từ đối với các thành viên khác nhau có liên quan trong gia đình cũng như của đối tượng.

+ Đảm bảo rằng các thư từ quan trọng từ các bên khác được chia sẻ với đối tượng, đặc biệt nếu chúng bao gồm đề nghị giải quyết vấn đề và không trả lời trừ khi đối tượng xem xét những vấn đề đó và bạn đã nhận được hướng dẫn về cách tiến hành.

+ Lưu ý rằng các vấn đề liên quan đến HN&GĐ thường gây xúc động, vì vậy hãy thực hiện các bước để tránh các tương tác có thể gây thêm thù địch, bạo lực hoặc nguy hiểm, đặc biệt khi có trẻ em tham gia. Vì những lý do này, nên tránh việc tương tác giữa các bên vì tranh chấp HN&GĐ có thể kéo dài. Cần biết cách xử lý phù hợp với các hành vi cảm xúc. Cần lưu ý rằng đối tượng trong các vụ tranh chấp HN&GĐ thường phải đối mặt với những vấn đề cực kỳ căng thẳng. Điều này có thể gây tâm lý quá xúc động, có thể phát sinh bạo lực và có thể đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng hơn về sức khỏe tâm thần. Hãy ghi nhớ điều này và cân nhắc giới thiệu đối tượng đến nơi được hỗ trợ về sức khỏe tâm thần nếu thấy thích hợp (có nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra rằng có nguy cơ gia tăng các vấn đề sức khỏe tâm thần nghiêm trọng và tự tử khi hôn nhân đang trong quá trình đổ vỡ và các bên đang ly thân).

+ Cần tính đến các quyền và nhu cầu đặc biệt của trẻ em trong các vụ việc về gia đình; xem xét việc có cần đặt ra các thủ tục đặc biệt để đối phó với bất kỳ trường hợp nào liên quan đến tình trạng sức khỏe của trẻ em hay không. Vì lần đầu tiên một đứa trẻ nghe tin rằng cha mẹ chúng có thể ly thân, ly hôn thì sẽ rất đau lòng và có thể có hành vi tiêu cực. Vì lý do này, hãy xem xét thời điểm trẻ em có thể nghe thấy thông tin đó lần đầu tiên và đảm bảo rằng trẻ em có sự hỗ trợ thích hợp, ví dụ như với sự có mặt của các thành viên khác trong gia đình. Cân nhắc xem liệu đứa trẻ có thể cần sự giúp đỡ của chuyên gia tư vấn hoặc nhà tâm lý học, v.v. vì giao tiếp với trẻ em cần xem xét cẩn thận tuổi tác, hoàn cảnh, ngôn ngữ và mức độ trưởng thành của chúng.

+ Trong mỗi trường hợp, nên xem xét liệu có cần thiết tìm một người thực hiện TGPL khác để đại diện cho một đứa trẻ thay vì người thực hiện TGPL cho cha mẹ của chúng hay không. Lợi ích của cha mẹ mà người thực hiện TGPL phải thực hiện một cách hợp pháp có thể không phải là lợi ích tốt nhất của đứa trẻ và nếu tình huống này có thể nảy sinh, một người thực hiện TGPL có năng lực và độc lập đã quen làm việc với trẻ em nên được chỉ định để đại diện cho đứa trẻ. Đặc biệt, vụ việc xảy ra khi gia đình có tiền sử bạo lực hoặc lạm dụng vì thủ phạm có thể là cha hoặc mẹ và nạn nhân là trẻ em. Vì vậy, nếu chỉ để một người thực hiện TGPL duy nhất đại diện cho họ sẽ không phù hợp. Đồng thời, cần đặc biệt xem xét các nhu cầu của trẻ em khuyết tật.

+ Trong các trường hợp liên quan đến trẻ em, một người thực hiện TGPL nên tham gia liên tục tại phiên tòa và các thủ tục tố tụng khác nhau vì điều quan trọng là đứa trẻ đã có thể xây dựng lòng tin và sự tin cậy.

+ Nếu một người thực hiện TGPL đã được chỉ định để đại diện cho một đối tượng trẻ em, thì người thực hiện TGPL đại diện cho đứa trẻ phải gặp đứa trẻ mà không có mặt các bên khác, trừ khi có lý do chính đáng; các cuộc phỏng vấn với trẻ em nên được thực hiện ở một địa điểm thích hợp, không gây sợ hãi và sẽ giúp đứa trẻ cảm thấy thoải mái; cần cẩn thận để đảm bảo rằng những thông tin mà đứa trẻ cung cấp cho người thực hiện TGPL không được tiết lộ cho người khác.

+ Người thực hiện TGPL cần phải biết tất cả các quy định pháp luật cụ thể liên quan đến trẻ em, chẳng hạn như pháp luật liên quan đến các yêu cầu mà họ đưa ra, v.v… Trẻ em nên có được sự hỗ trợ và tư vấn thích hợp; người thực hiện TGPL đại diện cho trẻ em phải có kiến thức tốt về tất cả các quy định và pháp luật liên quan đến quyền trẻ em.

+ Người thực hiện TGPL phải đảm bảo rằng lợi ích tốt nhất của đứa trẻ là tối quan trọng trong mọi trường hợp và ghi chú hồ sơ được thực hiện để ghi lại việc cân nhắc những lợi ích và hành động được thực hiện để đảm bảo rằng lợi ích của đứa trẻ là tối quan trọng. Nếu đứa trẻ cần có người thực hiện TGPL độc lập vì quyền lợi của chúng khác với cha mẹ nhưng đứa trẻ không có khả năng hướng dẫn người thực hiện TGPL thì người thực hiện TGPL nên liên hệ và thông báo cho tòa án để bảo đảm rằng lợi ích của đứa trẻ được thể hiện một cách hợp lý và những người thích hợp sẽ được tòa chỉ định để giúp đỡ đứa trẻ.

### *d. Giải quyết bằng các biện pháp thay thế (Alternative Dispute Resolution-ADR)*

+ Nhiều vụ, việc về HN&GĐ phù hợp với các hình thức giải quyết tranh chấp thay thế để tìm ra các giải pháp thích hợp hơn là các phiên tòa. Cách tiếp cận này cũng có thể làm giảm đáng kể chi phí, thời gian và nguồn lực cần thiết cho tòa án và có thể ít gây tổn thương và đe dọa cho các bên. Điều quan trọng là phải xem xét tất cả các tình huống cụ thể của vụ, việc để quyết định xem dùng các biện pháp thay thế có phù hợp với trường hợp đó hay không. Điều này bao gồm yếu tố về khuyết tật, khả năng ngôn ngữ, v.v. Cần thận trọng khi tạo ra một môi trường giúp các bên đạt được thỏa thuận, môi trường mang tính xây dựng và giảm thiểu nguy cơ bùng phát tức giận, v.v. Hãy nhớ rằng tranh chấp về HN&GĐ rất dễ gây xúc động cho những người liên quan.

+ Cần bảo đảm rằng các bên được tư vấn pháp luật tốt nhất và nhận thức được tất cả các vấn đề, bao gồm các vấn đề pháp lý cần thiết trước khi hòa giải.

+ An ninh và an toàn của tất cả các bên, đặc biệt là trẻ em, phải được xem xét hàng đầu khi sắp xếp bất kỳ quy trình hòa giải nào. Ví dụ, hãy hết sức lưu ý không để các bên xích lại gần nhau trong một môi trường mà sự tức giận không kiểm soát được và có thể xảy ra bạo lực mà không có các biện pháp thích hợp để giải quyết những khả năng đó; hoặc đối tượng bị bệnh tâm thần, người thực hiện TGPL phải có kiến thức tốt về các quy định pháp luật liên quan đến quyền của người bệnh tâm thần. Người thực hiện TGPL nên tiếp cận vụ việc trên cơ sở rằng người bệnh tâm thần có đủ năng lực để đưa ra hướng dẫn cho đến khi điều này được chứng minh là khác. Trong tình huống này người thực hiện TGPL phải cân nhắc xem người bệnh tâm thần cần được hỗ trợ những gì để có thể đưa ra những tư vấn pháp luật phù hợp. Trong một số trường hợp các bước pháp lý để tìm một người ra quyết định thay thế cho người bệnh tâm thần cần được cân nhắc. Cần lưu ý để đảm bảo rằng người bệnh tâm thần hiểu tất cả các thông tin đã được cung cấp cho họ. Cần thận trọng để đảm bảo rằng người thực hiện TGPL không tác động tiêu cực đến mối quan hệ giữa đối tượng trợ giúp với các thành viên gia đình, bác sĩ hoặc những người hỗ trợ khác.

+ Đối với người dân tộc thiểu số, cần bảo đảm rằng người thực hiện TGPL nhận thức được tất cả các vấn đề văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ và các vấn đề khác liên quan đến gia đình, các mối quan hệ và con cái của đối tượng. Cần lưu ý rằng người thực hiện TGPL xem xét các yếu tố này không chỉ trong giao dịch với đối tượng và các bên khác mà còn xem xét kết quả của vụ việc sẽ ảnh hưởng như thế nào đến gia đình, đặc biệt là trẻ em. Các vấn đề nói trên có thể liên quan đến việc tìm và giới thiệu các nhân viên tư vấn, nhân viên xã hội, nhân viên y tế, v.v…, vì vậy, cần phải cân nhắc kỹ khi giới thiệu.

+ Vấn đề quản lý vụ việc TGPL: (i) Yếu tố bảo mật là quan trọng nhất trong các vụ việc gia đình, ví dụ, một số người vợ, người chồng hoặc trẻ em có thể tìm kiếm sự trợ giúp nhưng sẽ gặp nguy hiểm nghiêm trọng nếu các thành viên khác trong gia đình phát hiện ra, đặc biệt trong giai đoạn đầu. Việc duy trì tính bảo mật nghiêm ngặt là điều cần thiết. Cần xác định những vị trí thích hợp trong các Trung tâm hoặc địa điểm khác để sử dụng cho các vụ việc về gia đình; (ii) Hệ thống và thủ tục quản lý hồ sơ trong Trung tâm cần phải được xây dựng phù hợp với các nhu cầu đặc biệt của các vụ việc về gia đình; (iii) Tất cả các nhân viên cần được đào tạo về các nguyên tắc cơ bản trong việc giải quyết các vụ việc gia đình vì bất kỳ nhân viên nào ở một mức độ nào đó cũng có thể tiếp xúc hoặc liên quan đến một vụ việc. Các nhân viên làm chuyên các vụ việc gia đình cần được đào tạo sâu hơn, liên tục và cập nhật thường xuyên. Việc giám sát công việc của nhân viên thực hiện giải quyết các vụ việc gia đình phải bao gồm các yếu tố được đề cập ở trên, liên quan đến nhu cầu đặc biệt của các bên, trẻ em, tính bảo mật, có tính đến cảm xúc cao độ và nguy cơ bạo lực tiếp diễn, v.v. Các hệ thống theo dõi và giám sát cần phải rõ ràng và được thể chế hóa, với việc kiểm tra thường xuyên để đảm bảo chúng được tuân thủ. (iv) Cần có một cơ chế rõ ràng để giải quyết các khiếu nại liên quan đến các vụ việc gia đình và tất cả các đối tượng, đối tác chính cần phải biết về các cơ chế đó; (v) Chính sách xung đột lợi ích phải được xây dựng, thông qua và tất cả nhân viên cần phải hiểu rõ ý nghĩa của chính sách. Ví dụ, việc thay mặt cho nhiều bên trong một tranh chấp gia đình có thể dễ dàng tạo ra xung đột lợi ích và trẻ em có thể yêu cầu được đối xử đặc biệt hoặc có người thực hiện TGPL độc lập của riêng chúng; (vi) Nếu có thể, nên tạo ra một hệ thống can thiệp sớm bao gồm những người thực hiện TGPL được đào tạo về chuyên môn với tư cách là “người thực hiện TGPL trực” làm việc tại trụ sở tòa án HN&GĐ.

**2. Các kỹ năng trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình**

### *a. Phỏng vấn ban đầu*

Cần thiết phải phỏng vấn và tư vấn ban đầu ngắn gọn trong mọi trường hợp về luật HN&GĐ. Thuật ngữ “TGPL sơ cấp” có thể được sử dụng để mô tả lời khuyên và giới thiệu ban đầu có thể được cung cấp cho bất kỳ người nào tự đến gặp văn phòng TGPL hoặc người thực hiện TGPL trực tại tòa án. Thuật ngữ “TGPL thứ cấp” dùng để chỉ những trường hợp phức tạp hơn và cần nhiều nguồn lực của TGPL hơn. Trong nhiều hệ thống, mọi người có thể đến văn phòng TGPL và nhận “TGPL sơ cấp” thông qua lời khuyên và trợ giúp tương đối ngắn và đơn giản do người thực hiện TGPL, cán bộ pháp lý bán chuyên hoặc tình nguyện viên cung cấp. Tuy nhiên, nếu người phỏng vấn họ tin rằng trường hợp của họ cần phải làm việc thêm, họ phải điền đơn chính thức bằng văn bản để được TGPL. Đơn đăng ký này sẽ bao gồm các chi tiết về kiểm tra tài sản/“của cải” của người đó để chi trả cho các dịch vụ pháp lý, hoặc mức độ nghèo của họ, và cả việc liệu họ có thể phù hợp với một trong các đối tượng được thụ hưởng TGPL khác hay không. Loại vụ việc có liên quan được xem xét bởi một ủy ban họp tại văn phòng TGPL hàng tuần, để quyết định xem trường hợp đó có đủ “tiêu chuẩn” hay không. Có nghĩa là, nó có phù hợp với các tiêu chí cho thấy nó phù hợp để được giải quyết thông qua việc phân bổ các nguồn lực TGPL, chẳng hạn như nguồn lực người thực hiện TGPL, v.v. Trong một số hệ thống, lời khuyên về 'TGPL sơ cấp' có sẵn cho tất cả mọi người, trực tiếp, qua điện thoại hoặc dịch vụ sms, hoặc email. Trong các hệ thống khác, một số trường hợp như liên quan đến HN&GĐ có thể không được cung cấp "TGPL sơ cấp" và phải điền vào đơn yêu cầu TGPL để xác định xem trường hợp của họ có đủ "tiêu chuẩn" hay không.

Nếu có thể, tất cả những người đến văn phòng TGPL về HN&GĐ nên được cung cấp “TGPL sơ cấp” - ít nhất là một cuộc phỏng vấn để ai đó có thể lắng nghe các vấn đề của họ và đưa ra lời khuyên cơ bản.

Ở một số quốc gia, dịch vụ này đã bị rút khỏi các vụ việc về HN&GĐ do số lượng vụ việc quá nhiều. Ví dụ, như Vương quốc Anh, Đạo luật về TGPL, Kết án và Trừng phạt Người vi phạm 2012 (LASPO) đã cắt giảm nghiêm trọng các dịch vụ cung cấp lời khuyên ban đầu cho những người có vấn đề về HN&GĐ. Nghiên cứu được tiến hành sau những thay đổi đối với luật và quy định về TGPL của Vương quốc Anh cho thấy những hạn chế này có một số tác động tiêu cực nghiêm trọng. Đặc biệt, cần phải có sự tiếp tục tư vấn pháp luật miễn phí cho tất cả các vụ việc về HN&GĐ trong giai đoạn đầu ngay cả khi vụ việc đó có thể nằm ngoài tiêu chí được nhận TGPL. Việc không có tư vấn TGPL ở giai đoạn đầu có thể dẫn đến tranh chấp giữa các bên trở nên căng thẳng hơn, kéo dài hơn và làm cho việc giải quyết tranh chấp thay thế như hòa giải ít có khả năng xảy ra hơn do các bên không biết về các lựa chọn đó. Tương tự, tranh chấp đất đai thường rất nhạy cảm và có thể dẫn đến bạo lực và thiệt hại tài sản và các phức tạp khác. Nếu những người liên quan đến tranh chấp có thể nhận được lời khuyên ban đầu, họ có thể nhận ra rằng họ không có bất kỳ tiêu chí nào đối với khiếu nại của họ hoặc khiếu nại của họ có cơ sở pháp lý rõ ràng và cần được tiếp tục khiếu nại. Trong cả hai loại trường hợp, một cuộc phỏng vấn ban đầu có thể thông báo cho những người đó về khả năng giải quyết tranh chấp thay thế như hòa giải và giới thiệu họ đến những người thích hợp. Trong các vụ việc về HN&GĐ, điều này có thể rất quan trọng, đặc biệt khi có yếu tố bạo lực hoặc có trẻ em tham gia.

### *b. Can thiệp sớm*

Nếu có thể, nên thiết lập một chương trình bố trí người thực hiện TGPL hoặc trợ lý của người thực hiện TGPL trực tại các tòa án giải quyết một số lượng lớn vụ HN&GĐ, để các cá nhân liên quan đến thủ tục tòa án có thể tìm thấy sự hỗ trợ. Điều này cũng sẽ tiết kiệm đáng kể chi phí và thời gian cho tòa án, nhân viên của tòa án và cơ quan tư pháp. Vì các vụ việc liên quan đến HN&GĐ có thể liên quan đến mối đe dọa bạo lực sắp xảy ra, nguy hiểm cho các cá nhân và sức khỏe của trẻ em nên họ yêu cầu một cách tiếp cận khác với các vấn đề pháp lý khác được xử lý bằng hệ thống TGPL xã hội. Các vụ việc về HN&GĐ thường liên quan đến sự khác biệt sâu sắc về cảm xúc, tức giận, thất vọng và những cảm xúc đó có thể xuất hiện đối với các bên đang tiếp tục sống trong cùng một gia đình. Nếu những người có vấn đề về HN&GĐ có ý tưởng rõ ràng về nơi họ có thể tìm kiếm sự giúp đỡ thì có thể giúp tránh những rắc rối này và cũng tiết kiệm đáng kể thời gian và tiền bạc cho hệ thống tòa án. Hai quốc gia cung cấp dịch vụ can thiệp sớm bằng cách bố trí một phòng tại các tòa án nơi có nhiều vụ án HN&GĐ cho người thực hiện TGPL là Australia và Indonesia.

+ Tại **Australia**, phần lớn các dịch vụ TGPL được cung cấp bởi các Ủy ban TGPL của Tiểu bang nhận tài trợ từ cả chính phủ Tiểu bang và cả Chính phủ liên bang quốc gia. Tại miền Nam xứ Wales (NSW), người thực hiện TGPL độc lập do chính phủ tài trợ, TGPL miền Nam xứ Wales đã thành lập Đơn vị can thiệp sớm (EUI). Một trong những dịch vụ mà EUI cung cấp là người thực hiện TGPL trực tại những lúc cao điểm của Tòa án gia đình. (Tại Úc, một Tòa án chuyên trách trong hệ thống quốc gia, Tòa án gia đình, có nhiệm vụ và chuyên môn cụ thể để giải quyết các vấn đề về HN&GĐ. Nhiều cá nhân nộp đơn hoặc liên quan đến các vụ việc tại Tòa án gia đình nhưng không có người thực hiện TGPL và người đại diện cho mình. Mục tiêu của (EIU) là tư vấn và hỗ trợ những người đó và cung cấp can thiệp sớm để giảm thiểu xung đột và phức tạp pháp lý. Đơn vị can thiệp sớm gồm những người thực hiện TGPL làm việc tại Tòa án cung cấp cho các cá nhân sự tư vấn và hỗ trợ từ chuyên gia, nhờ đó, giảm bớt khối lượng công việc và chi phí của Tòa án và nhân viên của Tòa án.

Một nghiên cứu về tính hiệu quả của EIU cho thấy rằng dịch vụ này cung cấp tư vấn ban đầu cho tất cả những người có mặt tại văn phòng của tòa án. Trong 45% trường hợp, cá nhân được cung cấp “hỗ trợ nhỏ”, chẳng hạn như giúp họ soạn thảo hoặc sửa đổi tài liệu. Trong khoảng một nửa số vụ, những người thực hiện TGPL đã phỏng vấn người đó và giới thiệu họ đến một dịch vụ pháp lý khác có thể hỗ trợ họ. Một phát hiện quan trọng là trong hơn một phần ba số trường hợp, người tìm kiếm sự giúp đỡ đã bắt đầu hành động sai hoặc điền vào các loại biểu mẫu sai để nộp cho tòa án. Điều này có nghĩa là nhóm can thiệp sớm đã tiết kiệm được rất nhiều nguồn lực của tòa án vì những vụ việc này do lực lượng xã hội thực hiện không phải thẩm phán, v.v…

### *c. Giải quyết tranh chấp thay thế (ADR) chẳng hạn như hòa giải*

 + Tranh chấp HN&GĐ thường liên quan đến việc vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, dẫn đến ly thân và ly hôn. Tương đối hiếm khi cả hai bên đạt được một thỏa thuận đồng thuận mà đây là cách tốt nhất do họ tự giải quyết. Nhiều trường hợp liên quan đến cách giải thích khác nhau về hành động của người hôn phối kia, ai là người đáng trách, người đã cư xử trái đạo đức, v.v…. Điều này dẫn đến rất nhiều cảm xúc khó chịu, tức giận và tiềm ẩn bạo lực. Thủ tục tại tòa có thể rất căng thẳng, đặc biệt là đối với những người không có kinh nghiệm trước đó, ngoài ra, các thủ tục tòa án cho các vụ án HN&GĐ thường liên quan đến sự cạnh tranh giữa các bên. Cả hai có thể đang đòi quyền sở hữu tài sản, quyền chăm sóc con cái… “Trận chiến” trong phòng xử án có thể làm cho sự khác biệt giữa các bên lớn hơn, làm gia tăng sự chia rẽ và phẫn uất về mặt tình cảm. Điều này không có lợi cho kết quả chung của các vụ án HN&GĐ, vì các bên thường phải duy trì mối quan hệ với nhau và con cái ngay cả sau khi vụ án đã được giải quyết hoặc tòa án đã ban hành lệnh. Tất nhiên, các vụ việc HN&GĐ được đưa ra tòa cũng cần có những nguồn lực đáng kể cho dịch vụ TGPL và tòa án, vì những lý do này, việc tìm kiếm các cơ chế thay thế để giải quyết các vụ án HN&GĐ là vô cùng quan trọng. Giải quyết qua ADR ví dụ như hòa giải có thể tiết kiệm rất nhiều thời gian và nguồn lực đối với các vụ án HN&GĐ. ADR thậm chí còn quan trọng hơn vì nó có thể dẫn đến một giải pháp nhanh hơn, giảm thiểu sự tức giận và chia rẽ, hơn nữa, giúp bảo vệ hạnh phúc của trẻ em và có thể dẫn đến các giải pháp đạt được thông qua thương lượng mà không có sự 'cạnh tranh' của quy trình tại phòng xử án. Các nhà nghiên cứu[[59]](#footnote-59) nhận thấy rằng việc thực hiện TGPL thông qua các cách thức giải quyết tranh chấp thay thế, tư vấn pháp luật, giáo dục và đại diện cũng tạo ra những lợi ích đáng kể cho phụ nữ, trẻ em và các cộng đồng bị thiệt thòi ở Bangladesh. Thông qua 453 cơ sở TGPL tại 63/64 quận, huyện trên toàn quốc, chương trình Nhân quyền và Dịch vụ TGPL đã báo cáo kết quả sau: (i) 90.118 người được nâng cao nhận thức về quyền con người và được giáo dục pháp luật cơ bản, (ii) 28.000 khiếu nại đã được tiếp nhận tại các cơ sở TGPL, với 18.656 được giải quyết thông qua các giải pháp giải quyết tranh chấp thay thế, (iii) 2.023 trường hợp bạo lực được báo cáo và (iv) thu hồi hơn 5 triệu đô la Mỹ cho đối tượng được TGPL.Vì những lý do này, điều cực kỳ quan trọng là tất cả những người thực hiện TGPL và nhân viên TGPL phải nhận thức được tính khả dụng và hữu ích của các thủ tục ADR, chẳng hạn như hòa giải cho các vụ kiện về gia đình. Tuy nhiên, điều này là không đủ nếu người thực hiện TGPL không chuẩn bị đúng cách cho buổi hòa giải, thì có thể dẫn đến hại nhiều hơn, không làm bớt tức giận và xúc động và làm hỏng khả năng đạt được kết quả tốt. Các tình huống của mỗi trường hợp cần được xem xét cẩn thận. Nơi diễn ra buổi hòa giải phải an toàn, bí mật và không bị đe dọa. Người thực hiện TGPL cần phải biết quản lý khả năng bùng phát bạo lực hoặc tức giận của các bên và không khuyến khích sự tham gia hoặc hiện diện của trẻ em trong hầu hết các trường hợp hòa giải tranh chấp.

 + Tại **Australia**, Dịch vụ giải quyết tranh chấp gia đình của TGPL ở New Sale Wales NSW giúp mọi người giải quyết tranh chấp về HN&GĐ của họ mà không cần đến tòa án bằng cách mời các bên liên quan đến tranh chấp tham dự một buổi hòa giải. Sau đây cung cấp một bức tranh toàn cảnh về các thủ tục: (i) Bất kỳ cá nhân nào gặp vấn đề liên quan đến HN&GĐ hoặc bạo lực gia đình ban đầu đều có thể nhận TGPL miễn phí liên quan đến vấn đề của họ từ văn phòng của LANSW, một trung tâm pháp lý cộng đồng, thông qua dịch vụ tư vấn qua điện thoại. (ii) Nếu cuộc tham vấn ban đầu xác định được nhu cầu hỗ trợ liên tục, cá nhân liên quan có thể điền vào đơn xin TGPL cho trường hợp của họ. (iii) Sau đó, ứng dụng sẽ đánh giá liên quan đến “phương tiện và tiêu chuẩn” của vụ việc; nếu người đó không có phương tiện để trả tiền cho luật sư, họ sẽ thực hiện kiểm tra phương tiện, tuy nhiên, họ cũng cần phải nằm trong các tiêu chuẩn để được TGPL. Việc xác định "tiêu chuẩn" của vụ việc này sẽ được thực hiện thông qua một quá trình đánh giá. Ví dụ, như ở NSW hiện nay có một cơ sở pháp lý cho việc ly hôn đơn giản và tương đối nhanh chóng, có thể khó nhận được trợ cấp pháp lý cho một vụ ly hôn; (iv) Tuy nhiên, nếu vụ ly hôn liên quan đến các vấn đề liên quan đến quyền nuôi con hoặc hạnh phúc của trẻ em thì có thể đưa vụ việc vào loại ”tiêu chuẩn”, để có thể thực hiện TGPL.

 Nếu ít nhất một trong các bên của một tranh chấp về gia đình đã được TGPL thì họ sẽ đủ điều kiện để được hỗ trợ hòa giải thông qua Dịch vụ giải quyết tranh chấp gia đình. TGPL sẽ chi trả cho một người thực hiện TGPL để đại diện cho người đó tại buổi hòa giải. Nếu một người nộp đơn yêu cầu TGPL cho một vụ kiện của tòa án nhưng Dịch vụ giải quyết tranh chấp gia đình (FDRS) cho rằng hòa giải có thể giúp tìm ra giải pháp mà không cần đến một vụ kiện, họ có thể yêu cầu các bên cố gắng giải quyết vấn đề của họ bằng hòa giải trước khi họ có thể được TGPL cho một phiên tòa. Các cuộc hòa giải có thể được tổ chức trực tiếp, qua video hoặc qua điện thoại và sẽ được tiến hành bởi một hòa giải viên có trình độ và độc lập. Bởi vì các bên trong tranh chấp gia đình thường liên quan đến các tranh chấp vềtình cảm, một số hòa giải theo hình thức chuyển lời. Điều này có nghĩa là các bên không nhìn thấy hoặc nói chuyện với nhau, vì vậy họ sẽ không tham dự một buổi hòa giải cùng nhau mà chỉ trao đổi thông qua hòa giải viên.

### *d. Tận dụng mọi nguồn lực*

+ Cần khuyến khích các dịch vụ vì lợi ích cộng đồng, vì như đã trình bày trước đó, các nguồn lực sẵn có cho các dịch vụ TGPL trong HN&GĐ là ít hơn rất nhiều so với nhu cầu để cung cấp tất cả các hỗ trợ cần thiết. Vì những lý do này, điều quan trọng là phải đảm bảo rằng tất cả các đóng góp để cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí được tối ưu hóa. Điều này bao gồm các thực tiễn như phòng tư vấn pháp lý của trường đại học và các dịch vụ chuyên nghiệp do các công ty luật cung cấp. Trong trường hợp các vấn đề về HN&GĐ, cần có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật vì sẽ có xung đột lợi ích khi một người thực hiện TGPL đại diện cho cả hai bên trong một vụ tranh chấp. Điều này có thể tương tự đối với các trung tâm TGPL, tùy trường hợp, vì vấn đề này dẫn đến sự đóng góp tiềm năng quan trọng của những người tư vấn pháp luật chuyên nghiệp trong các vụ án HN&GĐ. Người thực hiện TGPL phải tư vấn cho các bên về sự sẵn có của các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, nếu trung tâm TGPL không thể trợ giúp cho cả hai bên và không có dịch vụ pháp luật nào khác thì cần thu hút các công ty luật và xã hội trong khu vực tham gia vào để tăng tiềm năng cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp trong các vụ án HN&GĐ.

+ Hiệu quả chi phí của các dịch vụ TGPL cho thấy ở Liberia[[60]](#footnote-60), TGPL cho các nhóm yếu thế có tác động tích cực và đáng kể đến kết quả vụ việc, cũng như các tác động kinh tế đáng kể, bao gồm cả an ninh lương thực cho hộ gia đình và trẻ em.

 + Tiền sử bạo lực gia đình có thể có liên quan trong nhiều trường hợp liên quan đến việc cấp và tiến hành các vụ việc TGPL. Ví dụ, nghiên cứu chỉ ra rằng trong một tỷ lệ đáng kể các trường hợp phụ nữ bị buộc tội liên quan đến bạo lực và giết vợ/chồng trước khi phạm tội là nạn nhân của bạo lực gia đình. Người thực hiện TGPL hỗ trợ cho phụ nữ trong những tình huống này cần đảm bảo rằng tất cả các thông tin về tội phạm và bản án đều có sẵn cho tòa án.

### *đ. Việc xem xét hoàn cảnh của người phụ nữ*

+ Điều này rất quan trọng và có tác động lớn đối với hộ gia đình, trẻ em, vì trong một số tình huống, người thực hiện TGPL cũng nên xem xét tác động không chỉ đến phụ nữ mà còn đến con cái của gia đình và các thành viên khác. Ví dụ, nếu một người phụ nữ chịu trách nhiệm hỗ trợ trẻ em bằng nhiều cách khác nhau mà phạm tội và bị bỏ tù, hậu quả có thể gây bất lợi nghiêm trọng cho trẻ em. Ở một số khu vực pháp lý, điều này đã được tòa án tính đến và những người thực hiện TGPL nên nhận thức được điều này và khả năng đưa ra những vấn đề đó trong các vụ việc liên quan đến phụ nữ. Trong một phán quyết mang tính bước ngoặt vào năm 2007, Tòa án Hiến pháp Nam Phi đã đình chỉ bản án đối với một bà mẹ ba con, với lý do rằng các con của cô sẽ bị mất nguồn hỗ trợ về vật chất và tình cảm từ mẹ, mất nhà và hàng xóm quen thuộc, gián đoạn trong các thói quen ở trường bao gồm các vấn đề trong việc đưa đón đến trường, tách biệt khỏi anh chị em, và điều đó sẽ tác động tiêu cực đến sự phát triển của chúng. Mặc dù trường hợp này liên quan đến luật hình sự, các nguyên tắc tương tự được áp dụng cho các vụ việc về luật đất đai và gia đình: hoàn cảnh của người phụ nữ, quyền tiếp cận đất đai hoặc nhà ở của gia đình có thể ảnh hưởng đáng kể đến trẻ em. Ví dụ, nếu người chồng được trao quyền cư trú hợp pháp tại nơi ở của gia đình trong thời gian gia đình tan vỡ, người mẹ có thể có vai trò chăm sóc con cái sẽ không thể làm như vậy và con cái sẽ phải gánh chịu hậu quả.

### *e. Trợ giúp pháp lý các vụ việc liên quan đến trẻ em*

Một loạt các tiêu chuẩn pháp lý quốc tế liên quan đến việc đối xử với trẻ em trong các cơ chế TGPL bao gồm HN&GĐ, vì điều quan trọng nhất bao gồm những điều sau: Nguyên tắc chú trọng đến lợi ích tốt nhất của trẻ: “Trong tất cả các hành động liên quan đến trẻ em, dù do các tổ chức phúc lợi xã hội công hay tư, tòa án, cơ quan hành chính hay cơ quan lập pháp thực hiện, lợi ích tốt nhất của trẻ sẽ được xem xét hàng đầu”[[61]](#footnote-61).

Quyền được lắng nghe của trẻ: “Các quốc gia thành viên sẽ đảm bảo cho đứa trẻ có khả năng hình thành quan điểm của riêng mình quyền tự do bày tỏ quan điểm đó trong mọi vấn đề ảnh hưởng đến đứa trẻ, quan điểm của đứa trẻ được đưa ra đúng mức phù hợp với độ tuổi và sự trưởng thành của đứa trẻ"[[62]](#footnote-62).

“Trẻ em nên được coi và đối xử như những người có đầy đủ các quyền và phải được thực hiện tất cả các quyền của mình theo cách có tính đến khả năng hình thành quan điểm của mình và hoàn cảnh của vụ việc”[[63]](#footnote-63).

UNICEF đã xây dựng các hướng dẫn quốc tế về TGPL trong các trường hợp liên quan đến trẻ em; những nguyên tắc đó cần được ghi nhớ trong việc giải quyết các vụ việc HN&GĐ mà mối quan hệ liên quan đến trẻ em. Chúng bao gồm những điều sau: (1) Thẩm quyền TGPL cho trẻ em: những người thực hiện TGPL cho trẻ em phải có kiến thức về luật và thủ tục liên quan trong nước, quyền của trẻ em, các giai đoạn phát triển của trẻ em và cách giao tiếp với trẻ em. Họ nên cập nhật các kỹ năng của mình và làm mới chúng bằng các khóa đào tạo phát triển chuyên môn thường xuyên. (2) Hành động vì lợi ích tốt nhất của trẻ: Lợi ích tốt nhất của trẻ em nên được xem xét hàng đầu trong tất cả các hành động được thực hiện khi trẻ em liên quan đến pháp luật. Những người thực hiện TGPL phải nhận thức được nghĩa vụ này và tuân thủ nó bằng cách đánh giá và hành động vì lợi ích tốt nhất của trẻ em; (3) Tham gia hiệu quả: khi những người hành nghề pháp lý phải đảm bảo rằng quan điểm và tiếng nói của trẻ em được lắng nghe và có trọng lượng trong suốt quá trình pháp lý; (4) Người thực hiện TGPL cần xây dựng mối quan hệ tin cậy và hỗ trợ với đối tượng là trẻ em; (5) Giao tiếp nhạy cảm với trẻ em vì trẻ em không thể tham gia một cách có ý nghĩa vào các thủ tục tố tụng trừ khi những người thực hiện TGPL giao tiếp với chúng một cách tâm lý; (6) Cung cấp thông tin đáng tin cậy và phù hợp vì những người thực hiện TGPL phải cung cấp cho trẻ em thông tin đáng tin cậy và phù hợp để trẻ em có thể tham gia một cách có ý nghĩa vào việc ra quyết định; (7) Tham gia hiệu quả vào thủ tục tố tụng chính thức: những người thực hiện TGPL phải đảm bảo rằng trẻ em tham gia vào các thủ tục pháp lý chính thức một cách có ý nghĩa và an toàn với sự hỗ trợ đầy đủ và các biện pháp bảo vệ theo thủ tục; (8) Làm việc với các thành viên trong gia đình và những người lớn hỗ trợ khác vì người thực hiện TGPL phải hành động theo hướng dẫn của trẻ và vì lợi ích tốt nhất của trẻ chứ không phải lợi ích của các thành viên trong gia đình; (9) Quyền riêng tư và bảo mật: những người thực hiện TGPL phải bảo vệ quyền riêng tư của trẻ trong quá trình tố tụng pháp lý và đảm bảo rằng tất cả các giao tiếp với đối tượng được giữ bí mật theo các quy tắc ứng xử nghề nghiệp; (10) Bảo vệ trẻ em khỏi bị phân biệt đối xử: những người thực hiện TGPL cần đảm bảo rằng trẻ em được đối xử công bằng và không bị phân biệt đối xử vì tuổi tác, giới tính, dân tộc, khuyết tật hoặc tình trạng khác; (11) Giữ an toàn cho trẻ em: những người thực hiện TGPL phải giữ an toàn cho trẻ em và cho phép chúng tham gia vào quá trình pháp lý mà không có nguy cơ trở thành nạn nhân thứ cấp; (12) Người thực hiện TGPL cần cộng tác với các cộng tác viên khác, vì điều này hưởng đến lợi ích tốt nhất của trẻ.

### *g. Trợ giúp pháp lý cho phụ nữ*

Mặc dù các Nguyên tắc và Hướng dẫn của Liên hợp quốc không giải quyết cụ thể các vụ việc dân sự và gia đình, nhưng các nguyên tắc áp dụng cho nhiều vấn đề liên quan đến việc bảo vệ quyền của phụ nữ. Những điều khoản phù hợp nhất trong số này là Nguyên tắc 10, Nguyên tắc 13 và Hướng dẫn 9. Những điều khoản đó nên được đọc cùng với với Quy tắc Bangkok của Liên hợp quốc năm 2010 - một tiêu chuẩn quốc tế quan trọng. Các quy tắc bao gồm các điều khoản thừa nhận có những vấn đề rộng lớn hơn liên quan đến vai trò của phụ nữ trong gia đình cần được xem xét. Các quy tắc yêu cầu rằng *"các tòa án phải có quyền xem xét các yếu tố giảm nhẹ như thiếu tiền sử phạm tội, mức độ không nghiêm trọng và bản chất của hành vi phạm tội, dựa trên trách nhiệm chăm sóc và hoàn cảnh của phụ nữ".* Nền tảng và tác động đến hộ gia đình cũng rất quan trọng trong các vụ việc gia đình. Một ví dụ về nguyên tắc TGPL áp dụng bình đẳng cho phụ nữ trong các vụ án hình sự hoặc HN&GĐ là cần phải tính đến bối cảnh của phụ nữ để quyết định xem liệu cô ấy có thể có đủ phương tiện để chi trả cho các dịch vụ pháp lý hay không.

Ví dụ, không có gì lạ khi một tình huống phát sinh trong đó phụ nữ có thể không có tiền để trả các khoản chi phí pháp lý và phụ thuộc vào các thành viên nam trong gia đình để trả các khoản phí. Điều này có thể là một thách thức nghiêm trọng trong việc tiếp cận công lý đối với phụ nữ liên quan đến HN&GĐ hoặc tranh chấp tài sản trong đó nam giới hoặc các thành viên khác trong hộ gia đình kiểm soát quỹ không đồng ý hoặc ủng hộ khởi kiện theo pháp luật HN&GĐ của cô ấy.

Các yêu cầu thông thường của “bài kiểm tra về phương tiện và tiêu chuẩn” đối với việc được TGPL sẽ xem xét thu nhập của gia đình so với phương tiện phải trả. Tuy nhiên, tổng thu nhập của gia đình trong những tình huống này sẽ không phản ánh vị trí của người phụ nữ và khả năng thực tế của họ để chi trả cho TGPL. Thực tế, nhiều phụ nữ có mức sống tương đối cao vẫn không thể có tiền trả cho luật sư, khi mà thành viên nam của gia đình kiểm soát hết ngân sách, tài sản và phản đối việc người phụ nữ này tham gia vào vụ việc. Họ có thể không đồng ý vì vậy trong những trường hợp đó, các thủ tục đặc biệt cần phải được đưa vào luật HN&GĐ hoặc các quy định pháp luật về đất đai để đảm bảo rằng trong một số tình huống nhất định, phải cân nhắc năng lực của bản thân người phụ nữ và việc liệu cô ấy có đủ tiền để trả cho luật sư hay không, thay vì thu nhập cả gia đình.

+ Các điều khoản chính liên quan đến phụ nữ cũng liên quan đến TGPL trong các vụ bạo lực gia đình[[64]](#footnote-64):

*+ Nguyên tắc 10*. Bình đẳng trong tiếp cận TGPL: (32) Cần thực hiện các biện pháp đặc biệt để đảm bảo tiếp cận TGPL có ý nghĩa cho phụ nữ, trẻ em và các nhóm có nhu cầu đặc biệt, bao gồm nhưng không giới hạn ở người già, dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người mắc bệnh tâm thần, người nhiễm HIV và những người nghiêm trọng khác mắc bệnh truyền nhiễm, người sử dụng ma túy, người bản xứ và thổ dân, người không quốc tịch, người xin tị nạn, công dân nước ngoài, người di cư và lao động nhập cư, người tị nạn và người di cư trong nước. Các biện pháp này phải giải quyết các nhu cầu đặc biệt của các nhóm này, bao gồm các biện pháp nhạy cảm về giới và phù hợp với lứa tuổi. (33) Các quốc gia cũng cần đảm bảo rằng TGPL được cung cấp cho những người sống ở nông thôn, vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn về kinh tế và xã hội và cho những người là thành viên của các nhóm yếu thế về kinh tế và xã hội.

+ *Nguyên tắc 13*. Năng lực và trách nhiệm giải trình của người thực hiện TGPL: (37) Các quốc gia cần thiết lập các cơ chế để đảm bảo rằng tất cả những người thực hiện TGPL có giáo dục, đào tạo, kỹ năng và kinh nghiệm tương xứng với tính chất công việc của họ, bao gồm cả mức độ nghiêm trọng của các hành vi vi phạm bị xử lý, các quyền và nhu cầu của phụ nữ, trẻ em và nhóm có nhu cầu đặc biệt.

+ *Hướng dẫn 9*. Thực hiện quyền tiếp cận TGPL của phụ nữ: (52) Các quốc gia cần thực hiện các biện pháp thích hợp và áp dụng để đảm bảo quyền tiếp cận TGPL của phụ nữ, bao gồm: (a) Đưa ra chính sách tích cực trong đó đưa quan điểm giới vào tất cả các chính sách, luật, thủ tục, chương trình và thực hành liên quan đến TGPL để đảm bảo bình đẳng giới và tiếp cận công bằng và bình đẳng; (b) Thực hiện các bước tích cực để đảm bảo rằng, nếu có thể, những người thực hiện TGPL là phụ nữ để đại diện cho bị can, bị cáo và người bị hại là nữ; (c) Cung cấp dịch vụ TGPL, tư vấn và hỗ trợ tòa án trong tất cả các thủ tục pháp lý cho nạn nhân nữ bị bạo lực để đảm bảo tiếp cận công lý và tránh trở thành nạn nhân thứ cấp và các dịch vụ khác, có thể bao gồm việc dịch các tài liệu pháp lý khi được yêu cầu hoặc được yêu cầu.

*+ Các quy tắc và tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ*

Có một loạt các tiêu chuẩn và quy chuẩn toàn cầu liên quan đến mục tiêu chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và tất cả các tiêu chuẩn đó đều liên quan đến việc cung cấp TGPL cho phụ nữ vì bạo lực gia đình thường là một vấn đề thực tế hoặc tiềm ẩn trong các vụ án pháp luật nổi tiếng. UN Women đã đưa ra danh sách các văn kiện chuẩn mực toàn cầu quan trọng nhất:

• Công ước năm 1979 về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ không đề cập rõ ràng đến vấn đề bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, nhưng các Khuyến nghị chung 12, 19 và 35 nêu rõ rằng Công ước bao gồm vấn đề bạo lực đối với phụ nữ và đưa ra các khuyến nghị chi tiết cho các Quốc gia.

• Hội nghị Thế giới về Quyền con người năm 1993 đã công nhận bạo lực đối với phụ nữ là vi phạm nhân quyền và kêu gọi bổ nhiệm Báo cáo viên đặc biệt về bạo lực đối với phụ nữ trong Tuyên bố Vienna và Chương trình Hành động.

• Tuyên bố năm 1993 về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ là công cụ quốc tế đầu tiên giải quyết rõ ràng vấn đề bạo lực đối với phụ nữ, đưa ra khuôn khổ hành động quốc gia và quốc tế.

• Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển năm 1994 đã rút ra mối liên hệ giữa bạo lực đối với phụ nữ với các quyền và sức khỏe sinh sản.

• Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh 1995 xác định các hành động cụ thể mà các chính phủ cần thực hiện để ngăn chặn và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái. Chấm dứt bạo lực là một trong 12 lĩnh vực cần hành động ưu tiên. Vào năm 2020, một báo cáo của UN Women cho thấy hơn 80% quốc gia (trong tổng số 166 quốc gia) báo cáo rằng hành động để thực hiện và thực thi pháp luật liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ đã đạt được trong 5 năm trước đó, và 87 % các quốc gia cho biết đã giới thiệu hoặc tăng cường các dịch vụ cho nạn nhân bị bạo lực.

• Năm 2006, Nghiên cứu chuyên sâu của Tổng thư ký về tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ đã được phát hành và là báo cáo toàn diện đầu tiên về vấn đề này.

• Công ước năm 2011 của Hội đồng Châu Âu về phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực gia đình đã trở thành công cụ tầm khu vực thứ hai có tính ràng buộc pháp lý về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

• Đại hội đồng LHQ thông qua các nghị quyết định kỳ 6 tháng một lần về vấn đề bạo lực đối với phụ nữ. Các nghị quyết, lần đầu được thông qua vào năm 2012, bao gồm việc tăng cường các nỗ lực nhằm xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ, buôn bán phụ nữ và trẻ em gái, đồng thời tăng cường các nỗ lực toàn cầu nhằm xóa bỏ tình trạng xâm phạm bộ phận sinh dục nữ. Các nghị quyết này được đàm phán lại định kỳ 6 tháng một lần và các báo cáo gần đây nhất đã được đệ trình về các nghị quyết này trong kỳ họp thứ 75 của Đại hội đồng LHQ.

• Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc lần đầu tiên thông qua một nghị quyết về việc thúc đẩy nỗ lực xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ vào năm 2012.

• Vào năm 2020, tại kỳ họp thứ 64 của Ủy ban Địa vị Phụ nữ, các nhà lãnh đạo cam kết sẽ tăng cường nỗ lực thực hiện đầy đủ Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh hành động, bao gồm chấm dứt mọi hình thức bạo lực và các hành vi có hại đối với phụ nữ và trẻ em gái.

## 3. Các công ước quốc tế về phụ nữ, trẻ em và hôn nhân gia đình

+ Sản phụ và trẻ em được đặc biệt chăm sóc và giúp đỡ. Tất cả các con, dù là con chính thức hay ngoại hôn, đều được hưởng bảo trợ xã hội như nhau[[65]](#footnote-65).

+ *"Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và không có bất kỳ sự phân biệt nào chống lại sự bảo vệ bình đẳng của pháp luật;"* các quốc gia thành viên Công ước này cam kết đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong việc thực hiện tất cả các quyền dân sự và chính trị mà Công ước đã quy định[[66]](#footnote-66).

+ Nam và nữ có các quyền như nhau: các quốc gia thành viên cam kết đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ đối với mọi quyền kinh tế, xã hội và văn hoá mà CƯ quy định. Khẳng định nghĩa vụ của các Quốc gia thành viên trong việc bảo vệ các quyền và không phân biệt đối xử và đảm bảo quyền bình đẳng nam, nữ đối với các biện pháp bảo vệ từ ICESCR[[67]](#footnote-67) (Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa).

+ Thuật ngữ “phân biệt đối xử với phụ nữ" có nghĩa là bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào trên cơ sở giới tính[[68]](#footnote-68); tham chiếu đến việc “thiết lập [đưa ra] bảo vệ pháp lý cho các quyền của phụ nữ trên cơ sở bình đẳng với nam giới... thông qua các tòa án quốc gia có thẩm quyền và các thiết chế công [để] bảo vệ hiệu quả phụ nữ chống lại bất kỳ hành động phân biệt đối xử nào”[[69]](#footnote-69). Ngoài ra, Ủy ban CEDAW đã công bố Khuyến nghị chung 33: Quyền tiếp cận công lý của phụ nữ vào năm 2015, hướng dẫn về tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ TGPL cho phụ nữ, bao gồm thúc đẩy các dịch vụ nhạy cảm giới, nâng cao trách nhiệm giải trình và nhận thức pháp luật.

+ Các quốc gia thành viên Công ước phải thừa nhận sự bình đẳng của phụ nữ với nam giới trước pháp luật; phải thừa nhận phụ nữ trong các quan hệ dân sự có tư cách pháp lý giống như nam giới và những cơ hội như nhau để thực hiện tư cách đó; phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong tất cả các vấn đề liên quan đến HN&GĐ; phải bảo đảm: quyền kết hôn; quyền tự do lựa chọn người để kết hôn và chỉ kết hôn khi mình được tự do quyết định và hoàn toàn tự nguyện; quyền và trách nhiệm như nhau giữa vợ chồng trong thời gian hôn nhân cũng như khi hôn nhân bị hủy bỏ; quyền và trách nhiệm như nhau trong vai trò làm cha mẹ; quyền như nhau trong việc quyết định về số con và khoảng cách giữa các lần sinh; quyền và trách nhiệm như nhau đối trong các vấn đề về nuôi dưỡng, giám hộ, bảo trợ, ủy thác và cho nhận con nuôi, hoặc trong những vấn đề tương tự trong pháp luật quốc gia; các quyền được lựa chọn tên họ, nghề nghiệp, việc làm của bản thân mình; các quyền đối với việc sở hữu, tiếp nhận, kiểm soát, quản lý, hưởng thụ và sử dụng tài sản, dù đó là tài sản không phải trả tiền, hay đó là tài sản có giá trị lớn.

Đồng thời, trong mọi trường hợp, lợi ích của con cái phải được coi là điều quan trọng nhất[[70]](#footnote-70).

 “Ngăn ngừa và giải quyết bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ do đó không phải là một hành động từ thiện. Đây là một nghĩa vụ pháp lý và đạo đức đòi hỏi các biện pháp và cải cách về lập pháp, hành chính và thể chế, đồng thời xóa bỏ các định kiến giới vốn dung dưỡng hoặc thúc đẩy bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ và củng cố sự bất bình đẳng về cơ cấu giữa phụ nữ với nam giới”[[71]](#footnote-71).

+ Về trẻ em, nhấn mạnh bổ sung về tiếp cận hỗ trợ pháp lý cho trẻ em được thể hiện trong các văn kiện sau[[72]](#footnote-72): Hướng dẫn về các vấn đề tư pháp liên quan đến nạn nhân và nhân chứng là trẻ em, các Chiến lược mẫu của Liên hợp quốc và các biện pháp thực tiễn về xóa bỏ bạo lực đối với trẻ em trong lĩnh vực phòng chống tội phạm và tư pháp hình sự, Hiến chương Châu Phi về Quyền và Phúc lợi của Trẻ em[[73]](#footnote-73).

 + Các quốc gia thành viên cam kết: (i) Bảo đảm dành cho trẻ em sự bảo vệ và chăm sóc cần thiết cho hạnh phúc của các em; (ii) Phải thi hành mọi biện pháp lập pháp, hành pháp thích hợp và các biện pháp khác để thực hiện những quyền của trẻ em được thừa nhận trong Công ước; (iii) Phải tôn trọng trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, hoặc của các thành viên trong gia đình mở rộng hay của cộng đồng theo phong tục địa phương, của người giám hộ pháp lý hay những người khác chịu trách nhiệm về mặt pháp lý với đứa trẻ, trong việc chỉ bảo và hướng dẫn thích hợp cho trẻ em thực hiện những quyền được thừa nhận theo cách thức phù hợp với mức độ phát triển về năng lực của đứa trẻ[[74]](#footnote-74).

1. Điều 26 Hiến pháp 2013. [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản1 Điều 21 Hiến pháp 2013. [↑](#footnote-ref-2)
3. Điều 36 Hiến pháp 2013. [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 1 Điều 37 Hiến pháp 2013. [↑](#footnote-ref-4)
5. Một số vụ án về HN&GĐ có liên quan đến pháp luật về HN&GĐ thời Pháp thuộc được quy định trong Bộ dân luật Bắc kỳ năm 1931, Bộ dân luật Trung kỳ năm 1935, Bộ dân luật Nam kỳ giản yếu năm 1883; ở các tỉnh phía Nam, một số vụ án liên quan đến pháp luật thời chế độ Sài Gòn cũ còn liên quan tới nhiều văn bản pháp luật về HN&GĐ trải qua các giai đoạn từ sau năm 1954 đến ngày 30-4-1975. [↑](#footnote-ref-5)
6. Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 Luật HN&GĐ năm 2014 . [↑](#footnote-ref-6)
7. Khoản 13 Điều 3 Luật HN&GĐ 2014. [↑](#footnote-ref-7)
8. Khoản 1 Điều 57 Luật HN&GĐ 2014. [↑](#footnote-ref-8)
9. Điều 65 Luật HN&GĐ 2014. [↑](#footnote-ref-9)
10. Khoản 1 Điều 88 Luật HN&GĐ 2014. [↑](#footnote-ref-10)
11. Khoản 1 Điều 38 Luật HN&GĐ 2014. [↑](#footnote-ref-11)
12. Luật HNGĐ 2014 (Điều 42: Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bị vô hiệu). [↑](#footnote-ref-12)
13. Điều 39 Luật HN&GĐ 2014. [↑](#footnote-ref-13)
14. Các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 59 và các điều 60, 61, 62, 63, 64 của Luật HN&GĐ năm 2014. [↑](#footnote-ref-14)
15. Các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 59 và các điều 60, 61, 62, 63, 64 của Luật HN&GĐ năm 2014. [↑](#footnote-ref-15)
16. Khoản 2,3,4,5 Điều 59 Luật HN&GĐ năm 2014. [↑](#footnote-ref-16)
17. Khoản 3 Điều 8 Luật Nuôi con nuôi năm 2010. [↑](#footnote-ref-17)
18. Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010. [↑](#footnote-ref-18)
19. Khoản 2 Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010. [↑](#footnote-ref-19)
20. Khoản 1 Điều 21 Luật Nuôi con nuôi năm 2010. [↑](#footnote-ref-20)
21. Điều 13 Luật Nuôi con nuôi 2010. [↑](#footnote-ref-21)
22. Điều 25 Luật Nuôi con nuôi 2010. [↑](#footnote-ref-22)
23. Điều 76 Luật HN và GĐ năm 2013. [↑](#footnote-ref-23)
24. Điều 27 Luật nuôi con nuôi. [↑](#footnote-ref-24)
25. Điều 48, Điều 52, Điều 53 BLDS năm 2015. [↑](#footnote-ref-25)
26. Khoản 2 Điều 1 Luật Phòng, chống BLGĐ năm 2007. [↑](#footnote-ref-26)
27. Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống BLGĐ năm 2007. [↑](#footnote-ref-27)
28. Như trên. [↑](#footnote-ref-28)
29. Các điều 12, 13,14, 15 Luật Phòng, chống BLGĐ năm 2007. [↑](#footnote-ref-29)
30. Điều 122 Luật HN&GĐ năm 2014. [↑](#footnote-ref-30)
31. Điều 123 Luật HN&GĐ năm 2014. [↑](#footnote-ref-31)
32. Điều 35 Luật Hộ tịch năm 2014. [↑](#footnote-ref-32)
33. Điều 37 Luật Hộ tịch năm 2014. [↑](#footnote-ref-33)
34. Điều 43 Luật Hộ tịch năm 2014. [↑](#footnote-ref-34)
35. Điều 39 Luật Hộ tịch năm 2014. [↑](#footnote-ref-35)
36. Điều 123, 127 Luật HN&GĐ năm 2014; Điều 35, 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. [↑](#footnote-ref-36)
37. Điều 124 Luật HN&GĐ năm 2014. [↑](#footnote-ref-37)
38. Khoản 3 Điều 51 Luật HN&GĐ năm 2014. [↑](#footnote-ref-38)
39. Khoản 1 Điều 4 BLTTDS năm 2015. [↑](#footnote-ref-39)
40. Điều 55 Luật HN&GĐ 2014. [↑](#footnote-ref-40)
41. Khoản 5 Điều 59 Luật HN&GĐ 2014. [↑](#footnote-ref-41)
42. Khoản 2 Điều 4 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 [↑](#footnote-ref-42)
43. Điều 45 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. [↑](#footnote-ref-43)
44. Điều 134 BLDS năm 2015; Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 86, Khoản 3 Điều 102, Khoản 2 Điều 119 Luật HN&GĐ năm 2014.

 Khoản 2 Điều 10, Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 86, Khoản3 Điều 102, Khoản 2 Điều 119, Khoản 2 Điều 51 Luật HN&GĐ năm 2014; Điều 26 Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Điều 135, Điều 136 BLDS năm 2015. [↑](#footnote-ref-44)
45. Khoản 2 Điều 10, Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 86, Khoản 3 Điều 102, Khoản 2 Điều 119 Luật HN&GĐ năm 2014. [↑](#footnote-ref-45)
46. Khoản 2 Điều 10, Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 86, Khoản 3 Điều 102, Khoản 2 Điều 119, Khoản 2 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 và Điều 26 Luật Nuôi con nuôi năm 2010. [↑](#footnote-ref-46)
47. Khoản 2 Điều 101 của Luật HN&GD năm 2014. [↑](#footnote-ref-47)
48. Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979. Công ước về quyền dân sự, chính trị năm 1966. [↑](#footnote-ref-48)
49. Luật Trẻ em 2016, Luật Người cao tuổi năm 2009, Luật Người khuyết tật năm 2010. [↑](#footnote-ref-49)
50. Khoản 4 Điều 68 Luật HN&GĐ năm 2014. [↑](#footnote-ref-50)
51. Điều 7 Luật TGPL năm 2017. [↑](#footnote-ref-51)
52. Điều 25 Luật Phòng, chống BLGĐ năm 2007. [↑](#footnote-ref-52)
53. Điều 26 Luật Phòng chống BLGĐ năm 2007. [↑](#footnote-ref-53)
54. Điều 20, Điều 21 Luật Phòng, chống BLGĐ năm 2007. [↑](#footnote-ref-54)
55. Điều 23 Luật Phòng chống BLGĐ 2007. [↑](#footnote-ref-55)
56. Điều 29 Luật Phòng chống BLGĐ 2007. [↑](#footnote-ref-56)
57. Tham khảo Nghị quyết số 06/TANDTC ngày 01/10/2019 xét xử các vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi. [↑](#footnote-ref-57)
58. Điều 33 và Điều 43 Luật HN&GĐ 2014. [↑](#footnote-ref-58)
59. Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới về hiệu quả chi phí của trợ giúp pháp lý bao gồm bản tóm tắt của một nghiên cứu được thực hiện ở Bangladesh. [↑](#footnote-ref-59)
60. Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới. [↑](#footnote-ref-60)
61. Điều 3 Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em. [↑](#footnote-ref-61)
62. Điều 12 (1) Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em, [↑](#footnote-ref-62)
63. Hướng dẫn của Ủy ban Bộ trưởng Hội đồng Châu Âu về Công lý thân thiện với trẻ em (2010). [↑](#footnote-ref-63)
64. Các Nguyên tắc và Hướng dẫn của Liên hợp quốc về Tiếp cận TGPL trong Hệ thống Tư pháp Hình sự. [↑](#footnote-ref-64)
65. Khoản 2 Điều 25 Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm (1948- UDHR). [↑](#footnote-ref-65)
66. Điều 3 Công ước quốc tế về các quyền chính trị và dân sự (1966, ICCPR). [↑](#footnote-ref-66)
67. Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (1966, ICESCR). [↑](#footnote-ref-67)
68. Điều 1Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (1979, CEDAW). [↑](#footnote-ref-68)
69. Như trên. [↑](#footnote-ref-69)
70. Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (1979, CEDAW). [↑](#footnote-ref-70)
71. Theo Cao ủy Nhân quyền Liên hợp quốc. [↑](#footnote-ref-71)
72. Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (1989, CRC.) [↑](#footnote-ref-72)
73. Liên hợp quốc, Series Hiệp ước, tập. 1577, số 27531; Nghị quyết của Hội đồng Kinh tế và Xã hội 2005/20, đoạn. 22; Nghị quyết Đại hội đồng 69/194, phụ lục; Nghị quyết 69/194 của Đại hội đồng, phụ lục; Tổ chức Thống nhất Châu Phi, OAU Doc. CAB/LEG/24,9/49 (1990), điều khoản. 17 (2) (c) (iii). [↑](#footnote-ref-73)
74. Điều 3, Điều 4, Điều 5 Công ước quốc tế về quyền trẻ em. [↑](#footnote-ref-74)